

Hội thảo khoa học

**“Đặc điểm kinh tế - xã hội và nhà ở của người
nghèo đô thị”**

Tạp Chí Xã hội học dành số chuyên đề này để phản ánh về những kết quả bước đầu của công trình nghiên cứu đề tài “Cải thiện nơi ở và môi trường sống cho người nghèo đô thị”. Đây là một đề tài lớn với sự phối hợp của bốn cơ quan: Trường Đại học kiến trúc Hà Nội, Trường Đại học kiến trúc TP. Hồ Chí Minh, Viện quy hoạch đô thị và nông thôn, Viện Xã hội học được tiến hành bởi sự tài trợ của Trung tâm nghiên cứu phát triển quốc tế Canada (IDRC)

Những kết quả do Viện Xã hội học thực hiện và chuyển giao cho các cơ quan bạn thông qua cuộc hội thảo được tổ chức tại Viện Xã Hội học vào ngày 24 và 25 tháng 11 năm 1994. Chúng tôi đã đăng tóm tắt hai bản báo cáo chính trong số Tạp chí này - Để giúp bạn đọc có thêm thông tin. Ở mục diễn đàn này chúng tôi trình đăng những phát biểu trong Hội thảo nói trên - Chúng tôi đã cố gắng lược bỏ những sự trùng lặp, tuy vậy, đề tôn trọng ý kiến của các tác giả, chúng tôi cố giữ lại những nội dung cơ bản.

TCXHH

Xã hội học

**và những bước khởi động của Dự án Cải thiện nơi ở
và môi trường cho người nghèo đô thị**

TƯƠNG LAI

"Cải thiện nơi ở và môi trường cho người nghèo đô thị" là một dự án lớn với sự tài trợ của "Trung tâm nghiên cứu phát triển quốc tế Canada" [IDRC] mà Viện Xã hội học được dành cho vinh dự và cũng là trọng trách tiến hành những bước mở đầu nhằm cung cấp những thông tin cơ bản làm nền tảng cho toàn bộ công việc được triển khai. Những thông tin cơ bản về diện mạo nhà ở và môi trường của người nghèo đô thị từ cuộc khảo sát xã hội học ở hai thành phố lớn của cả nước: Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tạo tiền đề cho việc tiến hành những nghiên cứu chuyên ngành hướng tới những mục tiêu cụ thể của Dự án. Nhận thức rõ vinh dự và trọng trách đó, chúng tôi đã cố gắng với tất cả sức mạnh. Thành tựu đến đâu, đó còn là thẩm định của cuộc Hội thảo hôm nay sau khi đã nghe hai Báo cáo Tổng kết mà chúng tôi sẽ trình bày. Nói là Báo cáo Tổng kết vì đằng sau những con số, những hình ảnh, những biểu đồ, những ý tưởng, những kiến nghị là quá trình lao

động miệt mài của một tập thể những cán bộ xã hội học trong gần hai năm qua.

“Mỗi đô thị đều có một lịch sử tiến hóa với dáng nét riêng. Do đó, khuôn dạng hiện nay của cơ cấu xã hội đô thị cũng như mức sống và lối sống của mỗi thành tố trong cơ cấu đó không thể không bảo lưu những dấu ấn lịch sử đặc thù mà các thế hệ cư dân đã trải qua. Trên một ý nghĩa nào đó mà nói, thì “ký ức” của đô thị vẫn còn luôn luôn tượng hình lên trong cung cách tổ chức không gian đô thị, trong sự phân bố các quần cư, trong sự phân hóa mức sống và trong nền văn hóa hoạt động của các nhóm xã hội đô thị khác nhau”. Đúng vậy, cuộc chuyển mình của đời sống kinh tế - xã hội từ cơ chế cũ sang⁽¹⁾ cơ chế mới của nền kinh tế thị trường ghi đậm dấu ấn trên các nhóm xã hội đô thị khác nhau, trong đó nhóm người nghèo đô thị luôn luôn phải gánh chịu những thử thách nặng nề nhất. Nằm ở đáy tháp phân tầng xã hội, một hiện tượng mang tính quy luật của quá trình phân hóa xã hội trong nền kinh tế thị trường, nhóm người nghèo đô thị cần phải được chú ý nghiên cứu để trong từng bước của quá trình đô thị hóa lành mạnh, có sự quan tâm giúp đỡ của toàn xã hội và của Nhà nước, mà sự giúp đỡ lớn nhất là tạo ra những điều kiện để người nghèo đô thị tự cải thiện đời sống của mình. Những điều kiện áp phải được hiện diện trong chính sách và quản lý đô thị, trong chiến lược quy hoạch đô thị đang và sẽ được thực thi.

Lịch sử quần cư, quá trình di động xã hội bao gồm trong nó động thái nhập cư từ ngoài vào và chuyển cư nội độ gắn liền theo chúng đặc điểm nghề nghiệp, công ăn việc làm, mức sống và lối sống đều hội tụ vào một chỉ báo tổng hợp của người nghèo đô thị là nhà ở và môi trường sống của họ. Cộng đồng người nghèo đô thị là một bộ phận hợp thành hữu cơ của xã hội đô thị, **nhà ở và môi trường sống** của họ vẫn sẽ còn là nỗi đau của cuộc sống đô thị đang từng bước đổi mới và đi tới. Nỗi đau ấy không chỉ dành riêng cho các nhà quy hoạch và quản lý đô thị, nỗi đau ấy không của riêng ai, tuy nhiên, trước hết và sau cùng, những nhà hoạch định chiến lược ổn định và phát triển đô thị hướng theo mục tiêu “ dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh” phải cảm nhận đầy đủ nỗi đau ấy để có những chủ trương và giải pháp thỏa đáng được tiến hành trên những căn cứ khoa học. Không chỉ là khoa học xây dựng, khoa học kiến trúc mà còn là khoa học xã hội, là những vấn đề xã hội tiềm ẩn sâu trong môi trường sống và nhà ở của người nghèo đô thị cần phải được nhìn nhận một cách khoa học.

Người nghèo đô thị, họ là ai, từ đâu đến, liệu họ sẽ đi đâu hay sẽ vẫn cùng tồn tại với mọi thăng trầm và chuyển đổi của cuộc sống đô thị trên những chặng đường mới? Là những thành tố tạo nên cơ cấu xã hội đô thị Việt Nam, họ đang kiếm sống và sống ra sao trong ngôi nhà của họ, trong môi trường ô nhiễm của đô thị mà họ đang phải chịu đựng và cũng đang làm trầm trọng thêm sự ô nhiễm đó? Do là những câu hỏi đặt ra cho cuộc khảo sát xã hội học mà những câu trả lời sẽ là những dữ kiện cần thiết cho các nhà quy hoạch và kiến trúc đô thị trong những chặng đường mới của công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước của những năm cuối của thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX bước vào thế kỷ XXI

Tôi nói *những dữ kiện*, cũng có ý nói là, cuộc khảo sát này chưa có thể đưa lại những cải thiện cụ thể nào cho điều kiện sống và nhà ở của bà con mà chúng tôi đã tiếp xúc và phần nào đã gửi gắm vào chúng tôi những mong ước qua những câu trả lời, những lời đối thoại. Nỗi buồn của nhà xã hội học thì có thể được giải tỏa bằng những việc làm cụ thể, có mục tiêu rõ ràng của các như kiến trúc và các nhà quy hoạch đô thị. Trao sản phẩm nghiên cứu của chúng tôi cho các bạn, chúng tôi hy vọng ở các bạn, những người sẽ đem là niềm

(1) Nguyễn Quang Vinh. Bài đăng trong cùng tạp chí

vui cho người nghèo đô thị. Tất nhiên, không phải ai rồi cũng sẽ vui, lợi ích không rải đều cho tất cả mọi người từ “xóm liệu” cho đến “khu ổ chuột”, từ những người nghèo có thâm niên nằm sâu trong khu phố cổ Hà Nội hay ở những người mới gia nhập vào vùng cần giải tỏa ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trong những nhóm xã hội người nghèo đô thị lại có những đặc điểm riêng hết sức khác nhau trên một cái nền chung rất giống nhau là sự nghèo khổ. Mọi giải pháp quản lý đô thị, quy hoạch đô thị và kiến trúc đô thị có liên quan đến môi trường và nhà ở cho người nghèo đô thị, vì vậy, rất phức tạp và đa dạng. Từ trong các phức tạp và đa dạng đó, chúng tôi hy vọng sẽ làm nảy nở những đường nét mới táo bạo mà uyển chuyển, mạnh mẽ mà chan chứa tình người của các nhà kiến trúc, các nhà quy hoạch đô thị.

Phát biểu về

Hai nghiên cứu về những điều kiện sống của người nghèo đô thị ở Việt Nam (Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh).

RENÉ PARENTEAU

Các nhà nghiên cứu xã hội học của Viện Xã hội học thuộc Trung Tâm Khoa học Xã Hội và nhân văn Quốc Gia đã tiến hành 2 cuộc nghiên cứu với mục đích thu thập thông tin về những điều kiện (xã hội, kinh tế, nhà ở và môi trường) của người nghèo đô thị ở 2 thành phố lớn nhất của Việt Nam. Thông tin được thu thập bằng bảng hỏi và phỏng vấn các thành viên của hộ gia đình ở những khu vực cụ thể ở cả 2 thành phố.

Lời bình về những giả thuyết lý luận chung

Hai công trình nghiên cứu đều sử dụng một cơ sở lý luận chung: Người nghèo đô thị được coi như một bộ phận cấu thành của cơ cấu xã hội đô thị, và đâu đó luôn tồn tại. Những khu phố nghèo trong các thành phố là bộ phận cấu thành hữu cơ của cấu trúc không gian đô thị. Chúng ta sẽ xem xét sau đây những giả thuyết khái quát đó với những ý nghĩa khác nhau ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Bộ phận khác của cơ sở lý luận xung quanh khái niệm sự phát triển bền vững. Khái niệm này được hiểu trong nghĩa hẹp nhất: một thành phố và một xã hội mà không thành công trong việc xóa nghèo sẽ không phải là một thành phố hay một xã hội bền vững bởi vì sớm hay muộn chúng sẽ phải đối đầu với những sự rối loạn xã hội. Những nguyên tắc có hiệu lực hơn cùng với khái niệm sự phát triển bền vững đã không được các nhà nghiên cứu đưa ra, ngay từ đầu: không di chuyển nếu thiếu sự đền bù thỏa đáng, việc nâng cấp tại chỗ, những cách tiếp cận cho phép... và v.v..

Qua ngày thứ nhất của cuộc hội thảo, sau khi 2 nghiên cứu được báo cáo, đã có được một nhận thức chung về sự nghèo khổ ở đô thị nhưng còn chưa có sự khái quát mang tính

* Giáo sư René Parenteau hiện công tác tại Viện Quy hoạch đô thị của trường Đại Học Montréal - Canada - Ông là cố vấn của dự án "cải thiện nơi ở và môi trường cho người nghèo đô thị"

lý luận cao. Hiển nhiên là thông tin về sự nghèo khổ ở đô thị là cần thiết để nâng cao nhận thức cho các nhà quy hoạch và những nhà làm chính sách; và một thái độ cảm thông đối với người nghèo đô thị đã được đưa vào phần cuối gồm những kết luận, khuyến nghị, và minh họa.

Tôi nghĩ rằng một cách nhìn sâu sắc hơn vào hệ khái niệm phát triển bền vững sẽ đưa ra một cách tiếp cận mang tính chiến lược hơn và quan điểm mang tính "từ dưới lên" nhiều hơn. Thông tin về nghèo khổ ở đô thị nên nhằm vào việc tăng thêm sức mạnh cho người nghèo và phát triển những chiến lược cho phép chứ không phải là những cách tiếp cận cổ truyền "từ trên xuống".

Những ảnh hưởng của phương pháp chọn mẫu điều tra ở cả 2 thành phố

Trong cả 2 trường hợp, việc chọn mẫu dựa trên những thông tin từ các cán bộ của ủy ban nhân dân địa phương. Tại Hà Nội, ngay cả những hộ gia đình được hỏi cũng được xác định nhờ các cán bộ ủy ban nhân dân địa phương, các tổ chức đảng và các tổ chức đoàn thể khác Ngay từ đầu, và sau đó, có thể giả thiết rằng một hình ảnh "chính thức" của người nghèo đô thị đã được đưa ra. Tự nó - "Perse", là chấp nhận được, bởi vì nghèo khổ đã được thừa nhận một cách chính thức và có thể trở thành một bộ phận quan trọng của chương trình chính trị xã hội. Nhưng, điều này chắc chắn sẽ bỏ sót sự nghèo khổ không được biết đến hoặc sự nghèo khổ không quản lý được (những công nhân di cư có tay nghề, những người nghèo đến tuổi nghỉ việc từ khu vực không chính thức, những cư dân không có địa vị...)

Tại thành phố Hồ Chí Minh, các phương pháp chọn mẫu giống như thế đã được sử dụng. Nhưng bước chọn mẫu cuối cùng đã được tiến hành nhằm phân biệt giữa các loại quận trong thành phố. Chiến lược này chắc chắn sẽ giúp cho việc đa dạng hóa sự phân tích và đưa ra các kết luận ban đầu. Chẳng hạn từ các số liệu đã được đưa ra, các kết luận có thể được chỉ ra rằng có một loại trật tự ở các khu nhà ổ chuột bên trong cơ cấu đô thị, các khu ổ chuột nằm ở trung tâm nhất có sức hấp dẫn hơn và tạo nên một sự tập trung (với mật độ cao) người nghèo đô thị ở những quận trung tâm.

Nhưng, các phê phán bên ngoài nên lưu ý rằng địa vị của người nghèo đô thị là không giống nhau ở 2 thành phố: nó rất quen thuộc và được thừa nhận ở thành phố Hồ Chí Minh nhưng nó không phải là hiện thực ở Hà Nội; nó được tập trung về mặt không gian trong những vùng cụ thể ở thành phố Hồ Chí Minh, nhưng nó lại rải ra trên toàn bộ cơ cấu đô thị ở Hà Nội.

Nghèo khổ đô thị: hình ảnh và hiện thực

Cái đã được nhấn mạnh trong báo cáo về sự nghèo khổ ở thành phố Hồ Chí Minh, là có một nền "văn hóa của sự nghèo khổ" ở thành phố này: điều này có nguồn gốc từ trong lịch sử của nó, nó có ý nghĩa chủng tộc, nó có ý nghĩa địa phương cụ thể, nó "hoạt động" (chuyển đổi nhà, một hệ thống tín dụng, một truyền thống tự giúp đỡ, một khu vực không chính thức lớn mạnh, và v.v.). Không thể nói như thế về Hà Nội. Nghèo khổ được xem như một hiện tượng tương đối mới, đang phát triển như một bệnh ung thư và vượt ra ngoài sự kiểm soát. Những cội nguồn của chủ nghĩa xã hội sâu hơn trong lòng Hà Nội không cho phép sự nghèo khổ tồn tại trong một thể chế xã hội chủ nghĩa. Nghèo khổ được xem như một hiện tượng mới đôi khi được giải thích là những nhược điểm của một thể chế trong thời kỳ quá độ, đôi khi được giải thích là sự vượt quá giới hạn của nền kinh tế thị trường mới không kiểm soát nổi. Có thể những nhà nghiên cứu tiến tới việc thừa nhận rằng nghèo khổ là một mặt của sản phẩm của bất kỳ chế độ nào và nó tự vận động.

Nhưng quay trở lại với nhân tố chính giải thích về nghèo khổ, đối với cả 2 nhóm nghiên cứu sự quá độ tất nhiên, sẽ làm sáng tỏ cái nghèo đói. Sự quá độ cũng cần được xem xét như là sự gia tăng quá trình bản cùng hóa trong các xã hội đô thị Việt Nam. Bị nghèo đói là một việc, bị đuổi ra khỏi nhà của mình do những người phát triển không được kiểm soát lại là một chuyện khác. Nước bị hạn chế là một chuyện; nhưng nước bị cắt để dành cho những khu kinh doanh mới lại là chuyện khác.

Những nhà nghiên cứu không thể bị khiển trách vì đã không đưa ra giả thuyết này. Nhưng, chắc chắn là những nghiên cứu tiếp thu sẽ không thể lãng tránh sự phân biệt giữa cơ chế thông thường của việc sản sinh ra nghèo khổ và sự phát triển nhanh của cơ chế này trong các hoàn cảnh lịch sử cụ thể, giống như sự quá độ ở Việt Nam. Quan điểm này sau đó, sẽ không những cho phép hỏi ai là người nghèo, mà còn cho phép hỏi ai là người bị nghèo hơn và nghèo nhanh hơn.

Người nghèo nhưng không phải là người nghèo?

Cả hai nhóm nghiên cứu đều đã cùng đi tới kết luận là ở cả hai thành phố lớn của Việt Nam người nghèo lại không phải là nghèo. Kết luận này được dựa trên cơ sở thực tế là những hộ gia đình nghèo đều có tài sản. Điều đầu tiên đi lại trong suy nghĩ đó là các tài sản này không đáng giá. . . nôi niêu, bàn ghế gỗ, và cả ti vi đen trắng nhưng thực sự không đáng giá?

Tất nhiên, phân lớn các hộ gia đình nghèo có quyền sở hữu "ngôi nhà" của họ và có quyền sử dụng mảnh đất đó. Tôi nghi ngờ về giá trị ngôi nhà của họ là thực sự đáng giá, và giá trị quyền sử dụng đất của họ là chắc chắn ở một địa phương nào đó và trong bối cảnh chung của sự phát triển kinh tế và sự khan hiếm về đất đai đô thị. Những quyền mặc cả của người nghèo đô thị là gì? Những điểm còn thiếu trong những chính sách rõ ràng có liên quan tới việc di chuyển là gì? Và ít nhất là những cái có liên quan tới sự thiếu vắng về luật pháp và luật lệ về đất đai và thị trường nhà ở là gì?

Một con đường khác, thực tế hơn và văn minh hơn, khi xem xét giả thiết này có thể tính đến tài sản thực của người nghèo đô thị: khả năng để họ vay. Khả năng này được dựa trên năng lực sản xuất của họ và tổ chức cộng đồng (các quan hệ, và các mạng lưới). Điều này đưa chúng ta quay lại với những giả thuyết về việc làm tăng thêm sức mạnh và những giả thuyết về lý luận cho phép. Theo hướng này, cả hai báo cáo về sự nghèo khổ ở đô thị đều đã minh họa những tiềm năng và khả năng của các hộ nghèo và các cộng đồng nghèo ở đô thị. Đôi khi, những điều minh họa này tỏ ra lạc quan hơn - như ở Thành phố Hồ Chí Minh. Cùng với văn hóa của sự nghèo khổ, văn hóa của sự thuê mướn và độc lập (entrepreneurship and self - achievement) tồn tại trong các khu ổ chuột. Những nguồn tiềm năng, những khả năng, và hiệu quả của những tổ chức cộng đồng có thể dễ dàng bị giải thể và phá hủy do những người can thiệp từ bên ngoài. Chẳng hạn, báo cáo về Thành phố Hồ Chí Minh thực sự đã đánh giá thấp những tác động của những người giàu chiếm hữu đất trong các khu ổ chuột" một hiện tượng thực mà có thể tiến dần tới cái mà người ta được biết tới như "gentrification" trong các thành phố lớn của các nước phát triển. Những nghiên cứu tiếp theo cần giúp đỡ việc giám sát sự phân tầng xã hội đang chuyển đổi ngay bên trong chính những khu ổ chuột.

Kết luận

Cả hai nhóm nghiên cứu đều cố gắng xác định và mô tả sự nghèo khổ ở đô thị "một cách tóm tắt", thông qua những cách nhìn khác nhau. Báo cáo tại Hà Nội đã chấp nhận một

cách nhìn từ "trên xuống dưới" (top - down) và đã đưa ra một định nghĩa chính thức về người nghèo đô thị, rất chính xác về mặt khoa học. báo cáo của Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận một cách nhìn lạc quan từ "dưới lên trên, (bottom - up), rất chính xác về mặt chính trị". Cả hai quan điểm đều giúp đỡ cho việc xây dựng những chỉ báo đúng đắn và thích hợp về sự nghèo khổ ở đô thị... và chúng đều là cần thiết.

Từ điều đó, nếu số liệu đã thu thập cho phép, việc phân tích nên tập trung nhiều hơn vào quá trình bản cùng hóa, có tính đến những nhân tố và những hạn chế khác thường trong sự quá độ.

Các nghiên cứu tiếp theo nên chú ý đến những chức năng đô thị thực sự của những khu nghèo ở đô thị đã được giả định trong báo cáo của Thành phố Hồ Chí Minh, như những cơ chế đồng hóa xã hội thích hợp (assimilative social frameworks). Chúng cần chứng minh giả thiết là có một "quá trình sàng lọc" tiếp tục giữa chính các khu ổ chuột, và giữa các khu ổ chuột với các khu thu nhập trung bình trong thành phố.

Trong các nghiên cứu tiếp theo, nên chú ý hơn để đưa ra được sự đánh giá về khả năng và tiềm năng của các hộ nghèo ở đô thị và khu vực không chính quy ở thành phố.

Trước khi đưa ra các kết luận và khuyến nghị, các nhà nghiên cứu cần thu thập những thông tin chi tiết hơn có liên quan đến nhà ở của người nghèo đô thị như một tài sản và như một cách đầu tư. Trong trường hợp này, không nên tránh đi sâu vào chi tiết mà chúng có thể giúp các nhà kiến trúc, các nhà quy hoạch, các nhà làm chính sách thảo ra các chương trình thực tế và kế hoạch hành động.

Cuối cùng, với một cơ sở nền tảng, những thông tin rất thích hợp đã thu thập được về môi trường đô thị của người nghèo, các nhà nghiên cứu nên bắt đầu ngay từ bây giờ để thiết kế các chương trình nghiên cứu mới hỗ trợ cho quan điểm tăng cường cho việc cung cấp những dịch vụ về môi trường đô thị cho người nghèo ở đô thị.

Người dịch: TÔ QUỲNH

**Về báo cáo tổng kết khảo sát xã hội học tại 5 phường nội thành
Hà Nội 2/1994 trong đề tài
Cải thiện nơi ở và môi trường cho người nghèo đô thị"**

ĐÀM TRUNG PHƯỜNG

Phân khảo sát, không những chỉ tổng hợp những số liệu đã điều tra được, tuy cũng rất phức tạp trong việc lập các biểu mẫu, các phiếu điều tra phỏng vấn mà các số liệu nhận được đã được tổng hợp, hệ thống hóa, phân tích để rút ra được những nhận xét và kết luận những phát hiện mới trong những đặc trưng tình hình. Đây là một công trình nghiên cứu khoa học, được tập thể tác giả tiến hành thận trọng, tỹ mỹ thâm nhập vào thực tiễn với một trình độ kỹ năng nghiên cứu xã hội học cao.

Phương pháp tiến hành điều tra rất khách quan, luôn có so sánh giữa những ý kiến

của các điều tra viên và các đối tượng được phỏng vấn có quan sát thêm của người của người thiết kế nghiên cứu, có tham khảo các số liệu của nước ngoài trước khi rút ra các kết luận nhận định.

Hệ thống các chỉ báo lựa chọn cũng khá sát với tình hình thực tiễn nên đã giúp tìm được những cơ sở cơ bản để phác họa ra "bức tranh" các đặc trưng sống động xung quanh môi trường ở của những người nghèo đô thị.

Báo cáo tìm ra được một số "phát hiện" mới khá lý thú, định hướng cho việc tìm ra các giải pháp "khả thi" đối với các nhà quản lý lĩnh vực được nghiên cứu.

Nội dung tiếp cận của công trình nghiên cứu này bao quát nhiều khía cạnh:

Chương 1 : Đi vào chân dung xã hội của các gia đình nghèo từ đặc điểm thành phần xã hội - nghề nghiệp, đến đặc điểm nhân khẩu xã hội, học vấn văn hóa, nguồn gốc nhập và định cư.

Chương 2: Đi vào một số đặc điểm kinh tế của người nghèo dựa trên hệ thống các chỉ báo lựa chọn về thu nhập và mức cân đối thu chi.

Chương 3: Đi vào đặc điểm môi trường ở người nghèo từ tình hình nhà ở, đến những điều kiện môi trường nơi ở.

Chương 4: Đi vào một số vấn đề xã hội của người nghèo và động thái của sự nghèo khổ trong 4 - 5 năm qua tình trạng sức khỏe, đặc biệt có tìm hiểu vai trò của người phụ nữ trong các gia đình nghèo. Những kết quả của công trình nghiên cứu đã giúp cho chúng ta thấy rõ hơn những đặc trưng nổi bật về mặt xã hội của người nghèo và môi trường ở của họ. Tuy công trình đã được tiến hành theo mẫu khảo sát và diện tiến hành khảo sát mới chỉ thu hẹp trong phạm vi phường nội thành của các quận khác nhau nhưng chúng ta lại nhận được những kết quả khá tiêu biểu, có nhiều phát hiện mới có giá trị.

Công trình có nhiều đóng góp cụ thể bổ ích cho đề tài chung về “*Cải thiện nơi ở và môi trường cho người nghèo đô thị*” như:

Việc xác định được thành phần xã hội của những người nghèo nhất ở đô thị số đông có "nguồn gốc" lâu ở Hà Nội và trên 60% là người nghèo nhất trong thời gian giao thời mọi chuyển dịch cơ cấu kinh tế gần 35% là gia đình cán bộ công nhân viên đã về hưu.

Việc xác định trình độ học vấn văn hóa "tương đối cao" của người nghèo Việt Nam so với nhiều nước và chi tiêu lớn trong gia đình nghèo sau tiên chi cho ăn uống là tiền chi cho con học hành.

Việc tình trạng nhà ở của những người nghèo: 28,6% có nhà thừa kế của ông cha để lại 17,4% có nhà riêng tự dựng lên dù là nhà tạm hoặc xây dựng trái phép (62,6% số nhà xây dựng trái phép) tức là: 46% người nghèo có nhà ở riêng của mình với diện tích bình quân tương đối khá > 5 m² người, diện tích phụ bình quân 3,2 m² /hộ. Ngoài ra có 40 % người ở nhà cơ quan phân phối (110%) hoặc thuê (29%) và chỉ còn lại có 4,5% người nghèo là không có nhà.

Việc đánh giá tiềm năng vốn liếng của người nghèo thông qua: giá trị nhà + giá trị đất của những người có nhà riêng (giá trị khoảng 20 - 40 triệu), giá trị học vấn và nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình...

Việc đánh giá vai trò người phụ nữ trong các gia đình nghèo...

Đây không phải chỉ là kết quả của một hệ thống số liệu mang tính thông tư tư liệu thống kê để cập nhật, mà là những “thông tin - tư liệu” đã được tập thể tác giả là những người thiết kế nghiên cứu, phân tích xử lý các dữ liệu, số liệu một cách sáng tạo.

Sau đây, xin gợi ý một số ý kiến để nhóm tác giả tham khảo thêm:

1/ Về mặt lý luận ai cũng công nhận rằng cơ chế thị trường tạo ra được nhiều lực tác động tích cực kích thích kinh tế - xã hội gia tăng phát triển tốt, nhưng đồng thời cũng kích thích sự phát sinh, phát triển lâu dài sự phân tầng rõ rệt giàu nghèo trong xã hội, được coi như hậu quả của sự cạnh tranh tự do. Trong trường hợp này, giữa quá trình giàu lên và quá trình nghèo đi của hai tầng lớp đó có mối quan hệ mật thiết với nhau. Những phát hiện của công trình nghiên cứu chưa nêu rõ được điểm này, có phải đề tài chỉ khảo sát tầng lớp người nghèo thôi, hay là vì các mẫu phỏng vấn cần được bổ sung thêm một số điểm để thấy rõ được vấn đề này hơn. Tuy đề tài có điều tra sự thay đổi của mức sống trong 4-5 năm qua có thống kê được 55 % số người nghèo có mức sống giảm đi trong đó có 28,9% giảm đáng kể, nhưng những nguyên nhân làm họ nghèo đi chưa nêu được nhiều nên vẫn chưa thấy rõ được mối quan hệ giữa giàu và nghèo để giúp các nhà quản lý xã hội có những chính sách thích hợp hơn nhằm giảm bớt sự chênh lệch giữa giàu và nghèo, nguyên nhân của nhiều hiện tượng tiêu cực xã hội có ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn sự lâu bền môi trường sống của xã hội.

2/ Ở Hà Nội cũng như ở nhiều thành phố lớn khác, đã xảy ra hiện tượng dân lao động dư thừa quá nhiều của nông thôn đồng bằng sông Hồng tràn vào nội thành, không có hộ khẩu, không có nhà ở ổn định, lang thang kiếm sống hoặc sống lang thang trên các vỉa hè, hoặc tự tạo ra những "chợ cóc", những "chợ người", những "ổ liều" di động. Họ không còn nguồn sống ở nông thôn như một số người nông thôn khác chỉ ra thành phố kiếm ăn thêm theo thời gian "nông nhàn, thời vụ", họ thực sự đã và đang trở thành những tầng lớp người nghèo đô thị mới phát sinh, một hình thành. Kết quả điều tra của đề tài đã đưa ra được khi phân tích thành phần xã hội của người nghèo, là số người nghèo có nguồn gốc sinh sống lâu ở Hà Nội chiếm một tỷ lệ cao, nhưng chưa nêu rõ ra được tầng lớp mới phát sinh nêu trên. Phải chăng vì họ không có nơi ở cố định, không có hộ khẩu nên không có điều kiện điều tra phỏng vấn. Trực giác thì thấy con số người thuộc diện này rất đông. Họ đã sống thường xuyên ở thành phố, đã sử dụng các công trình lợi ích công cộng, lương thực thực phẩm của thành phố, phải nói rằng thực chất họ đã là người dân của thành phố, những người mà việc làm, nơi ở, thu nhập... đều không ổn định mà thành phần nghèo chiếm tỷ lệ khá cao? Họ là nguồn gốc và chiếm đa số những người lang thang cơ nhỡ của đô thị. Khéo tổ chức, họ có thể đóng góp cho hoạt động kinh tế - xã hội của thành phố, nếu ngược lại thì họ có thể trở thành đối tượng gây ra nhiều tiêu cực xã hội. họ lại có liên quan mật thiết với chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, chính sách công nghiệp hóa ở nông thôn, chính sách phát triển các vệ tinh của thành phố... nên cũng cần phải được khảo sát rõ hơn.

3/ Về nơi ở và môi trường ở, theo kết quả điều tra khảo sát của đề tài thì:

46% người nghèo có nhà riêng, hoặc thừa kế hoặc tự làm (dù có một số xây dựng trái phép nhưng vẫn là có nhà) với tiêu chuẩn diện tích ở khá cao: > 5 m²/người. Với giá trị vốn nhà và đất khoảng 20 - 40 triệu đồng.

11% người có nhà của cơ quan phân phối.

29,3% người đang ở nhà thuê + 4,5% đang có chỗ ở nhờ như vậy số lượng người nghèo không có nhà, lang thang cơ nhỡ chỉ chiếm tỷ lệ rất ít, không đến 10% số người nghèo. Số người nghèo lại chỉ chầm 4,09% dân số thành phố, kết quả chỉ có khoảng 4.000 người không có nhà ở (nếu tạm lấy dân số nội thành là 1 triệu người) một tỷ lệ không lớn lắm, và chưa trở thành một vấn đề nổi cộm bức bách.

Trong khi đó, kết quả điều tra khảo sát cũng cho biết về tình trạng môi trường ở khá bi quan:

86,6% số nhà của người nghèo ở ngõ hẻm và xóm lao động.

90% số nhà chưa có hồ xí riêng.

87,7% số nhà chưa có nước máy đến tận nhà.

32,8 % số nhà chưa có hệ thống thải nước bẩn.

Như vậy, phải chăng xây dựng nhà mới hoặc nhà cho thuê rẻ tiền cho người nghèo chưa phải là một yêu cầu cấp bách bằng việc nâng cao chất lượng nhà ở và môi trường ở cho họ hiện nay? Ý kiến của nhóm tác giả chưa rõ về điểm này lắm và chưa có những lời khuyên rõ ràng.

Mặt khác, điều tra khảo sát cũng chưa nêu được đầy đủ mối quan hệ của vị trí ở hiện nay đối với sự sinh sống và việc làm của người nghèo để có chính sách rõ ràng hơn hoặc:

- Chính trang, nâng cấp môi trường ở và nhà ở hiện nay của họ là chủ yếu, thiết thực.

- Hoặc là xây dựng nhà mới ở nơi khác có hạ tầng đầy đủ hơn, môi trường vệ sinh tốt hơn để chuyển họ tới. Phương án nghe nhân đạo hơn những có thích hợp không.

Đề tài cũng chưa gợi ý về phương thức huy động vốn thế nào cho phù hợp và khả thi?

4/ Đề tài đã phát hiện được nhiều vấn đề mới đã được nêu ở phần đầu, rất hay, rất lý thú. Từ những phát hiện này, nếu nhóm tác giả tìm rõ được những lời khuyên cho các nhà quản lý những định hướng cho các chính sách phù hợp nhất, những chính sách cơ bản nhất, chủ chốt nhất, cấp bách nhất mang tính “*đột phá khâu*” cho vấn đề ở của người nghèo, thì giá trị của báo cáo khoa học này được nâng lên một giá trị cao hơn nhiều. Nếu nhóm tác giả đã có những suy nghĩ về điểm này mong được bổ sung thêm cho báo cáo.

Lấy một ví dụ cụ thể:

Báo cáo điều tra khảo sát đã phát hiện được một vấn đề là tuyệt đại con em các gia đình nghèo vẫn được đi học vì chi phí cho con em đi học là món chi thứ hai, sau chi phí ăn uống. Trình độ học thức văn hóa của các em được coi như một “vốn tiềm năng” của gia đình thuận lợi cho việc đào tạo ngành nghề cần thiết, cho việc tiếp thu kỹ thuật mới. Mặt khác, có 63,3 % người nghèo là cán bộ công nhân viên nghỉ hưu, hoặc công nhân các xí nghiệp, hợp tác xã giải thể hiện nghỉ việc.

Phải chăng hai hiện tượng trên rất phù hợp với chính sách phát triển kinh tế sản xuất qui mô gia đình của nhà nước để tạo ra thêm công ăn việc làm những người nghèo, những người chưa có việc hoặc thiếu việc làm? muốn vậy cần có tác động hỗ trợ gì của xã hội, của nhà nước? nhóm tác giả có ý kiến gì? vì tổ chức kinh tế gia đình có những yêu cầu riêng đối với tính chất nơi ở.

Trên đây là một số gợi ý thêm.

Cảm nhận về nhà ở và môi trường sống của người nghèo đô thị

NGA MY

Mới đây chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) đã làm một cuộc điều tra xem

xét đánh giá của các thị trường ở 135 thành phố lớn trên thế giới xem điều gì khiến họ đau đầu và phải quan tâm lo lắng nhất cho thành phố của mình. Kết quả cho thấy là trong 12 vấn đề bức thiết nhất thì thiếu nhà ở xếp thứ hai, chỉ sau thất nghiệp, xếp trên có tội ác và nghèo đói (Đại đoàn kết - số 45/1994). Và thiếu nhà ở trong các đô thị không rơi vào ai khác ngoài chính những người nghèo nhất, những người cùng cực nhất của xã hội.

Cuộc khảo sát về người nghèo tháng 1/1994 ở Hà Nội có mục tiêu mô tả những đặc điểm kinh tế - văn hoá và nhà ở của người nghèo đô thị, coi đó là những chỉ báo quan trọng biểu hiện cái nghèo của họ, một trong những thước đo mức sống khá chính xác.

Ở đây chúng tôi đề cập đến hai vấn đề: nhà ở và môi trường sống của người nghèo đô thị Hà Nội thông qua các kết quả của cuộc khảo sát nói trên.

1. Nhưng đặc điểm về nhà ở:

Nhà ở gắn liền với cuộc sống con người và là một vấn đề xã hội có tính thời sự. Nếu như đối với một số người, nhà ở là điều kiện vật chất đương nhiên họ được hưởng, thì với một số người khác, một mái nhà che đầu dường như vẫn chỉ là cái mà họ thậm chí không dám mơ tưởng tới.

Ở các thành phố lớn của các nước đang phát triển, thiếu nhà ở dường như đã là một căn bệnh mãn tính. Hà Nội cũng không thoát khỏi căn bệnh này. Với quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay, Hà Nội ngày càng có sức thu hút mạnh đối với nhiều người. Gia tăng dân số là một trong những nguyên nhân tạo nên một sức ép trong lĩnh vực nhà ở. Nếu như năm 1954, dân số Hà Nội mới chỉ có 2 vạn người, thì đến năm 1994, chỉ riêng nội thành là đã hơn 1 triệu người, mà đất thì không thể sinh sôi nảy nở thêm. Để có 1 chỗ ở, một ngôi nhà để ở, thì người nghèo gặp phải nhiều khó khăn nhất. Bởi họ hầu như chẳng có gì ngoài sức lao động để lo trước hết cho bữa ăn hàng ngày. Hoặc nếu có chỗ ở thì nơi ở của họ thường chật chội, cũ nát, ẩm thấp và thiếu tiện nghi, nói tóm lại là "dưới tiêu chuẩn".

Trong vấn đề nhà ở thì sở hữu nhà là chỉ báo khẳng định chủ quyền của người ở. Số liệu điều tra cho thấy là trong cả 4 quận nội thành, có 28,6% gia đình nghèo đang ở trong ngôi nhà do cha mẹ để lại. Có nghĩa là hơn 1/4 số hộ có nhà ở riêng của mình, không phải bỏ tiền ra mua, không phải trả tiền thuê nhà. Đó là một trong những thuận lợi lớn của người nghèo bởi vì họ không phải chi phí một khoản nào đó cho nhà ở, khi mà thu nhập của họ còn quá thấp. Hơn nữa họ có thể tự do mua bán, sửa sang mà không lệ thuộc vào các điều kiện khác. Tỷ lệ gia đình có nhà do bố mẹ đi lại chênh lệch rất lớn giữa các quận. Nếu như ở quận Bộ Đình, tỷ lệ này là 60,7% thì ở Hoàn Kiếm chỉ có 9,3%. Thực tế cho thấy rằng ở phường Bưởi một phường ven đô, việc sở hữu nhà cửa, đất đai vẫn mang tính chất làng quê truyền thống. Các thế hệ đã bảo tồn, gìn giữ cơ ngơi truyền lại cho con cháu, mặc dù gần đây cũng đã xuất hiện việc mua đi bán lại trong những cơn sốt đất.

Số gia đình nghèo thuê nhà của Sở nhà đất và của cơ quan chiếm tỷ lệ lớn nhất: 37,7%. Như vậy cho thấy rằng hơn 1/3 số hộ nghèo được khảo sát đang ở nhà của nhà nước, tức là ít ra họ cũng là những người may mắn, không phải lo lắng tìm mua nhà. Con số tự mua chỉ có 17,2%, nhưng thường là những căn nhà chật chội, thiếu tiện nghi.

Trong số hộ nghèo được khảo sát có 4,5% số hộ phải đi ở nhờ. Số này thường rơi vào những trường hợp đặc biệt như người già cô đơn không nơi nương tựa, số người ở nơi khác đến, vợ con theo chồng ra Hà Nội, số người không có khẩu (5,2%)... Có trường hợp ở nhờ đến hơn 50 năm mà vẫn chưa tìm ra được nơi ở riêng cho mình.

Về loại nhà có thể nói, nhà ở của người nghèo thể hiện một cách sinh động cuộc sống nghèo khó của họ. Nếu như trong mấy năm gần đây, tốc độ xây dựng nhà ở Hà Nội có những bước nhảy mạnh mẽ, cả của tư nhân lẫn của nhà nước, thì phần lớn người nghèo vẫn phải sống trong ngôi nhà tồn tàn của họ. Phố phường sầm uất với những ngôi nhà mới xây khang trang, kiểu dáng đẹp bên cạnh những mái nhà cũ nát, âm thấp, tường lở, ngói xô là một hiện thực trong lòng Hà Nội. Số liệu khảo sát cho thấy có tới 20,3% gia đình nghèo sống trong ngôi nhà tạm bợ. Nghĩa là họ cũng có một nơi để ăn ngủ, chui ra chui vào mình mưa nắng. Tỷ lệ nhà tạm ở phường Bưởi là lớn nhất, tới 38,7%. Bởi vì tuy đất rộng những họ không thể dành được một khoản tiền đáng kể cho việc sửa sang, nâng cấp nhà ở. Hiện ở phường vẫn còn - 7 % nhà lá, còn lại phần lớn là nhà cấp 4.

Trong các hộ nghèo được khảo sát chỉ có 6,2% số gia đình sống trong căn hộ khép kín. Phần lớn họ sống trong 1 gian nhà (18,1%) hoặc thậm chí chỉ trong 1 gian ngăn ra cho nhiều gia đình (13,0%), hay ở những chỗ coi nới (2,7%). Ở quận Hoàn Kiếm, số gia đình phải sống trong 1 gian ngăn ra chiếm tới 1/3 số hộ được hỏi (33,0%). Đất chật, người đông nhưng họ vẫn phải bám lấy nơi này đi sống, bởi một phần họ không có khả năng tài chính để kiếm cho mình một chỗ ở khác rộng hơn, mặt khác ở những phố buôn bán tấp nập này, họ có thể tìm được những công việc đem lại thu nhập nuôi sống gia đình hàng ngày.

Về vị trí nhà ở, đa số gia đình nghèo sống trong ngõ (49,5 %) hoặc trong xóm lao động (37,4%). Ở các phố trung tâm buôn bán thì họ ở sâu trong ngõ hoặc trên gác 2, 3. Tỷ lệ này cao nhất ở quận Hoàn Kiếm (74,2%).

Về diện tích nhà ở: theo số liệu của Sở Nhà đất, diện tích ở trung bình theo đầu người ở Hà Nội là $4m^2$, thất nhất trong các thành phố lớn ở nước ta. Theo đà xây dựng hiện nay, diện tích ở đang có xu hướng tăng lên. Tuy nhiên, các gia đình nghèo vẫn chịu cảnh sống chật chội, tù túng. Có tới 44,8% gia đình diện tích bình quân dưới $4m^2$ trong đó 19,1% dưới $2,5m^2$. Như vậy gần 1 nửa số gia đình nghèo trung bình 4 người sống trong 1 ngôi nhà chỉ kê được 1 cái giường. Đặc biệt, có 26% gia đình đang sống trong diện tích ở dưới $10m^2$. Thậm chí nhiều nhà không kê nổi 1 cái giường. Số các gia đình không có giường lên đôi 15%

Với diện tích ở trung bình của 1 gia đình là $17,9m^2$ (quận Hoàn Kiếm $14,5m^2$), đa số chỉ sống trong 1 phòng (81,5%). Nhất là với các gia đình chung sống từ 3, 4 thế hệ (23,6%) và có 2 cặp vợ chồng trở lên (6,4%) thì sự căng thẳng về tâm lý sự dồn nén trong các quan hệ là không thể tránh khỏi có thể trở thành 1 nguồn gốc của các mâu thuẫn gia đình.

Về khu phụ: Phần lớn nhà ở của lúc gia đình nghèo không có được một khu phụ cần thiết. Khu phụ được coi như một chỉ báo đánh giữ mức độ văn minh, hiện đại của nhà ở. Một số gia đình khá giả, có nhà mới xây, trong thời gian gần đây điều rất quan tâm đến khu phụ. Bởi vì mức sống càng tăng, nhu cầu càng cao thì các tiện nghi sinh hoạt gia đình càng được chú trọng

Còn các gia đình nghèo thì sao? Vẫn là những công trình cũ nát, tồn tại cách đây hàng chục năm, ngay cả ở những phố được coi là giàu có như Đồng Xuân, Hàng Mã. Ở đó, các gia đình nghèo vẫn cố xoay xở cho mình một khu phụ khiêm tốn, trung bình có $3,2m^2$. Khu phụ này phần lớn là để làm bếp, chăn nuôi, tắm giặt và kho để đồ vật. Thực tế chỉ có 55,6% gia đình được hỏi có bếp riêng, còn 19,7% dùng bếp chung. Các gia đình cố giành 1 khoảnh nhỏ cho việc nấu ăn, thậm chí nấu ngay trong phòng ở để được riêng rẽ, biệt lập. Tỷ lệ nấu trong phòng là khá cao: 23,8%.

Về nhà tắm thì có khá hơn. Số hộ phải dùng chung chỉ có 9,7% chủ yếu là ở khu phố cổ của quận Hoàn Kiếm (31,5%). Nơi đây với cấu trúc của các ngôi nhà hình ống từ hàng

trăm năm nay, người ta không thể bành trướng hoặc coi nói thêm được. Hàng chục hộ gia đình với hàng trăm con người chỉ có 1 hoặc 2 nhà tắm đã cũ nát. Người tự tìm mọi cách để tạo ra cho gia đình mình có chỗ tắm riêng, tỉ lệ này chiếm tới 44,4% phần lớn ở 3 quận Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng, nơi mà diện tích có phần thoải mái hơn một chút.

Trong hệ thống công trình phụ thì nhà vệ sinh là nơi các hộ nghèo phải dùng chung nhiều nhất: 90,1% các gia đình được hỏi. Phần lớn là những nhà vệ sinh đã xuống (cấp, bản thiêu và không kín đáo, loại tự hoại rất ít, đa số là hố xí thùng và hố xí 2 ngăn rất gây ô nhiễm không khí và làm xấu đi cảnh quan xung quanh nơi ở.

2. Những đặc điểm về môi trường sống:

Qua 47 năm (1945 - 1992) dân số Hà Nội tăng 12 lần. Sự di cư ào ạt vào Hà Nội trong những năm gần đây đã khiến cơ sở hạ tầng kỹ thuật của thành phố thủ đô bị quá tải về nhiều mặt. Theo tính toán của các nhà khoa học mức ô nhiễm ở Hà Nội là rất cao. Chẳng hạn bụi nhiều gấp 4 - 10 lần mức độ cho phép, tiếng ồn gần 2 lần, hơi chì 6 - 10 lần, khí CO₂: 2 - 4 Đó là hậu quả của những chất thải công nghiệp, từ ống kính các nhà máy, từ các phương tiện giao thông, từ các đồng rác sinh hoạt của dân cư, từ các ao hồ tù đọng đang dần bị thu hẹp. Môi trường, bị suy thoái đã trở thành mối quan tâm của thành phố trong quá trình xây dựng, quản lý và cải tạo đô thị. Năm 1993. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành chỉ thị số 13 về một số công tác cấp bách bảo vệ môi trường ở Thủ đô Hà Nội. Đây là những tín hiệu đáng mừng song tính khả thi của nó có quyết định quản lý còn cần phải có thời gian mới có thể khẳng định được.

Người nghèo bị ảnh hưởng nặng nề của những tác động xấu trong môi trường sống. Ngay trong lòng Hà Nội đang được hiện đại hóa, vẫn còn tới 11,4% các gia đình nghèo chưa được dùng nước máy công nghiệp mà phải dùng nước giếng. Đặc biệt. Ở phường Thanh Nhàn (quận Hai Bà Trưng), con số này tính đến 30%. Nước giếng ở đây gần những hồ ao bị nhiễm bẩn, không được thanh lọc, sát trùng trước khi dùng chắc chắn không phải đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh tối thiểu. Đó là một trong những nguyên nhân gây bệnh cho con người.

Bên cạnh nguồn nước sạch khan hiếm là nguồn nước thải tràn trề hiện nay ở Hà Nội có 15 hồ chứa nước với tổng diện tích mặt nước 640ha. (Nhật Ninh - Báo Nhân dân 11/6/1992). Đó là một trong những nơi thoát nước của thành phố khi mưa lớn, đồng thời cũng là nơi chứa đựng nguồn nước thải trong sinh hoạt và sản xuất tuy nhiên các hồ ao này đang bị thu hẹp nghiêm trọng do bị lấn chiếm san lấp để làm nhà hệ thống thoát nước cũ nát hàng chục năm nay, dù đã được đào bới sửa đang ở một số điểm, song chưa được xây dựng lại đồng bộ đã không thể giải quyết được toàn bộ số nước thải trên. Có 67,1% gia đình được hỏi trả lời rằng nước thải của gia đình họ chảy xuống cống, còn lại là chảy xuống hồ ao: 19,1% và tự thấm: 5,2%. Cũng còn tới 8,5% gia đình có nước thải chảy tự do trên mặt đất gây ô nhiễm và cản trở việc đi lại. Đánh giá mức độ thoát nước thải và nước mưa, 27,4% gia đình cho là tốt và 34,3% gia đình cho là kém, trong đó tỉ lệ kém ở quận Hai Bà Trưng là cao nhất 63,0%, còn ở Hoàn Kiếm là thấp nhất 23,1%.

Vấn đề xử lý rác cũng hết sức nan giải. Khi tìm hiểu về việc thu gom rác, có 62,3% hộ nghèo trả lời là họ đổ rác theo từng cụm nhà. Tức là có xe đổ rác đến từng đoạn phố, dân nghe keng ra đổ hoặc đổ vào 1 nơi qui định nào đó. Còn tới 34,8% gia đình đổ rác ra nơi công cộng tùy ý và xuống hồ ao, một trong những nguồn nước dùng cho sinh hoạt của chính gia đình họ. Tỉ lệ này cao nhất ở phường Bưởi và phường Thanh Nhàn là 2 nơi có nhiều hồ ao, rất tiện lợi cho việc đổ phế thải, đồng thời các xe rác cũng khó lòng vươn tới từng cụm nhà như ở 2 phường trung tâm là Hàng Bột và Đồng Xuân. Thêm vào đó, khối

từ các nhà máy, bụi, khí độc từ các phương tiện giao thông và các cơ sở sản xuất thải ra, mùi hôi thối từ các nhà vệ sinh công cộng bị xuống cấp đã làm cho môi trường sống bị ô nhiễm nghiêm trọng. Đánh giá mức độ ô nhiễm do phân rác, chất thải sinh hoạt tại nơi ở, chỉ có 32,2% gia đình cho rằng không đáng kể, còn lại là trung bình và cao. Đặc biệt là ở phường Thanh Nhân, 40,1% cho là mức ô nhiễm cao. Ở đây, những đồng rác chen lẫn nhà dân, cao bằng nhà, nhìn từ xa khó mà phân biệt đâu là nhà, đâu là rác.

Vậy thì, người nghèo là nạn nhân hay là nguyên nhân của tình trạng ô nhiễm này? Có lẽ là cả hai. Một mặt, vì là những người nghèo nên phần lớn họ chỉ có khả năng sống ở những khu vực tối tăm, ẩm thấp mà trước đây là bãi rác hoặc đất hoang; hoặc nếu có ở những phố trung tâm thì cũng ở sâu trong ngõ, diện tích nhỏ hẹp, công trình phụ cũ nát, cống rãnh bị ùn tắc. Mặt khác, người nghèo, cũng như phần lớn các nhóm xã hội khác, chưa có ý thức cao trong việc giữ vệ sinh chung. Họ không quan tâm nhiều đến môi trường xung quanh. Chính vì thế đổ nước bừa bãi, xả rác tùy tiện đang là hiện tượng phổ biến ở các khu dân nghèo. Đồng thời cũng không thể phủ nhận những chất thải công nghiệp của các nhà máy và các cơ sở sản xuất, bụi đất, tiếng ồn... đang làm cho môi trường đô thị bị ô nhiễm, ảnh hưởng xấu đến cuộc sống người dân, mà người nghèo là một bộ phận không nhỏ.

3. Mong muốn và khả năng cải thiện nhà ở của người nghèo đô thị:

Mọi tầng lớp dân cư đều muốn được sống trong ngôi nhà khang trang, sạch sẽ, đủ tiện nghi. Tuy nhiên giữa mong muốn và hiện thực bào giờ cũng có một khoảng cách, mà đối với người nghèo, khoảng cách này lại quá lớn, khó lòng khắc phục được.

Do tác động của công cuộc đổi mới những năm qua, đại bộ phận nhân dân có đời sống cao hơn, thu nhập tăng, tiện nghi sinh hoạt đầy đủ hơn, hiện đại hơn. Một số người nghèo, do thích ứng được với cơ chế mới đã tự vươn lên, thoát khỏi cảnh nghèo. Song tỉ lệ này còn thấp.

Kết quả khảo sát cho thấy là chỉ có 2,8% gia đình nghèo có mức sống tăng lên đáng kể so với 5 năm trước đây; 20,2% gia đình có tăng nhưng không đáng kể. Số gia đình có mức sống như cũ là 22,0%. Còn lại là mức sống bị giảm, trong đó giảm nhiều là 28,9%.

Với mức sống giảm xuống, với thu nhập bình quân đầu người dưới 100.000 đồng/tháng, trong đó dưới 90.000đ chiếm tới 61% người nghèo rất ít điều kiện chăm lo tại nơi ở của mình. Phần lớn số thu nhập ít ỏi của họ đã phải dành cho việc ăn uống. Trong điều kiện kinh tế như vậy, đại đa số các gia đình nghèo phải ưu tiên chi tiêu cho việc cải thiện bữa ăn, nâng cao sức khỏe (90,6%). Còn chi cho việc cải thiện, sửa chữa nhà cửa chỉ có 12,3 gia đình, mặc dù có 12,3% gia đình có nguyện vọng bức thiết liên quan đến nhà ở. 40,5% gia đình mong muốn nâng cấp nhà ở. Ở phường Bưởi, tỉ lệ này cao nhất: 57,2%, bởi vì ở đây, diện tích khá rộng. Một số gia đình còn có đất, vườn được thừa kế của cha mẹ, có thể bán đi 1 phần để lấy tiền sửa sang, nâng cấp nhà ở.

Về di chuyển chỗ ở, chỉ có 11,2% gia đình mong muốn chuyển đến chỗ khác sinh sống. Tỉ lệ này khá thấp vì mỗi lần ra đi, là một lần cuộc sống bị xáo trộn. Hơn nữa chuyển chỗ ở là hi vọng có cho ở mới tốt hơn, mà muốn vậy thì phải có nhiều tiền. Điều này vượt quá khả năng cho phép của các gia đình nghèo.

Trong số các gia đình nghèo có 33,7% không nghĩ đến việc cải thiện nhà ở và 6,7% cảm thấy bế tắc. Chắc hẳn nguyên nhân không gì khác hơn là không đủ điều kiện tài chính.

Từ nhiều năm nay, thành phố đã chú trọng đến việc nâng cao các quỹ nhà ở, xây dựng hàng loạt các khu nhà cao tầng. Trong năm năm 1991- 1995 mục tiêu đặt ra là xây dựng

1 triệu m² nhà ở. Tuy nhiên so với nhu cầu vẫn còn quá thấp. Và nếu kế hoạch được thực hiện, 1 triệu m² được hoàn thành thì người nghèo được hưởng bao nhiêu %? Phương án nhà nước và nhân dân cùng làm cũng không mấy dễ chấp nhận cho người nghèo, vì họ không có khả năng góp vốn, khi mà toàn bộ tài sản gia đình chỉ có giá từ 1 - 2 triệu đồng, trong đó 75,6% gia đình chỉ có tài sản dưới 1 triệu đồng.

Giải quyết nhà ở cho người nghèo là một vấn đề phức tạp, động chạm đến nhiều vấn đề: đất đai, mặt bằng, tiền vốn.

Tìm ra và nhận diện những đặc điểm nhà ở, môi trường của người nghèo mới chỉ là bước đi ban đầu. Bước đi tiếp theo, quan trọng hơn là trên cơ sở những hiểu biết thực tiễn mà hoạch định các chính sách cần thiết có hiệu quả.

Một số đặc điểm nổi bật về nhà ở và môi trường của người nghèo quận Hoàn Kiếm

ĐỖ MINH KHUÊ

Trong những năm gần đây, cùng với việc chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường sự phân hóa giàu nghèo cũng thể hiện rõ rệt trong các tầng lớp cư dân ở đô thị. Nhà ở và môi trường sinh hoạt, một biểu hiện tập trung nhất của đời sống cư dân, phản ánh rõ nét sự phân hóa này. Cuộc khảo sát “*Đặc điểm kinh tế - xã hội và nhà ở của người nghèo đô thị*” do Viện Xã hội học tiến hành tại Hà Nội đầu năm 1994 đã sơ bộ cho thấy tình hình trên.

Ở đây, chúng tôi tập trung phân tích những khía cạnh về nhà ở và môi trường sinh hoạt của người nghèo tại hai phường nằm ở trung tâm quận Hoàn Kiếm là phường Hàng Mã và phường Đồng Xuân, nơi có mật độ dân cư vào loại cao nhất và những khía cạnh về nhà ở và môi trường cũng được thể hiện rõ nét. Các số liệu phân tích đưa ra sẽ được so sánh với số liệu khảo sát chung của cả bốn quận nội thành Hà Nội.

Quận Hoàn Kiếm là trung tâm của thủ đô, nhưng Hoàn Kiếm cũng là nơi có các khu dân cư chen chúc, chật chội của "ba mươi sau phố phường", có những đường phố nước máy không thể chảy vào nhà mà chỉ có thể bơm từ vỉa hè, có những "xóm liều ven sông Hồng, có những số nhà trong đó hàng chục hộ phải chung nhau khu phụ... Tìm hiểu về nhà ở và môi trường sinh hoạt của người nghèo ở quận này có thể sẽ có ích cho các nhà khoa học và các nhà quản lý đô thị.

1. Một số đặc điểm kinh tế - xã hội nghề nghiệp của dân cư:

Đồng Xuân và Hàng Mã, hai phường nằm cạnh nhau ở sát vành đai khu phố cổ Hà Nội, với hoạt động kinh tế chủ yếu là kinh doanh buôn bán. Mỗi phường có diện tích hơn 1km² với dân số trên dưới 10.000 người. Ngoài một phần dân cư là cán bộ, công nhân viên nhà nước, còn đại bộ phận là các hộ kinh doanh, buôn bán hoặc làm dịch vụ.

Chợ Đồng Xuân, chợ bán buôn và bán lẻ lớn nhất miền Bắc, chi phối mạnh mẽ đời

sống và lao động của cư dân hai phường này. Phường Đồng Xuân có hơn 900 hộ và phường Hàng Mã có hơn 700 hộ làm nghề kinh doanh buôn bán. Các hộ kinh doanh đa dạng đủ thứ mặt hàng vàng bạc, sành sứ thủy tinh cao cấp, điện máy, đặc sản, hàng mã... Cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp có nhưng ít và mấy năm nay không phát triển được.

Vì có chợ Đồng Xuân, nên công ăn việc làm sẵn có dành cho tầng lớp người nghèo: xích lô, bốc vác, gánh thuê, trông xe và nhiều dịch vụ khác. Các hộ kinh doanh nghèo thường là bán hàng nước, hàng ăn, quà vặt...

Tuy nhiên, chợ Đồng Xuân cũng là nguyên nhân của tình trạng mất trật tự an ninh trong khu vực, tranh chấp nhau về chỗ bán hàng, sự ô nhiễm, mất vệ sinh môi trường...

Những người nghèo ở hai phường thường là công nhân viên đã về hưu, mất sức hoặc không có việc làm, các gia đình đông con. Ngoài ra, còn là những người có hoàn cảnh đặc biệt: người già không nơi nương tựa, những người bệnh tật, ốm đau, nghiện ngập...

So với các quận khác thì tỷ lệ người nghèo là hưu trí, hưu non mất sức, tàn tật, neo đơn... của quận Hoàn Kiếm là to hơn cả.

Dân nghèo cư trú đã lâu đời ở đây chiếm tỷ lệ cao nhất so với các quận khác. Trả lời câu hỏi: 'Gia đình ta đến ở nhà này từ bao giờ?' tỷ lệ những hộ đến ở tại quận Hoàn Kiếm từ trước năm 1955 là 54,1% - trong khi tỷ lệ chung cho cả 4 quận là 44,8% Chỉ có 7,2% là những hộ mới đến ở từ 1986 tới nay so với tỷ lệ chung cả 4 quận 10%). Số hộ có hộ khẩu thường trú cũng rất cao: 96,2% so với chung là 94,8%.

2. Tình hình nhà ở và vệ sinh môi trường.

Nhà ở của dân cư quận hoàn kiếm, so với các quận khác, là chật chội nhất và cơ sở hạ tầng xuống cấp trầm trọng. Trong một số nhà có thể có tới hàng chục hộ. Cả nhiều hộ ở gầm cầu, ở lối đi, ở chân cầu thang, ở gác xép hoặc nằm sát khu vệ sinh chung. Điều kiện ở kém, nhưng nhiều gia đình vẫn chấp nhận sinh sống lâu dài vì đây là nơi làm ăn sinh sống: họ bán quà vặt ở ngay đầu phố, làm bốc vác vận chuyển ở chợ, hoặc nhà họ là cho chứa hàng...

Vì ở trung tâm thành phố, nên điện có đủ để thắp sáng và để sử dụng quạt mát, ti vi, radio, nhưng nước máy thì hầu hết đều thiếu, các gia đình phải gánh từ máy nước công cộng hoặc bơm nước từ ngoài đường vào nhà.

Về sở hữu nhà: phần lớn các gia đình ở trong những ngôi nhà lớn, được ngăn ra cho nhiều hộ. Tỷ lệ số hộ thuê nhà của nhà nước và của tư nhân là cao hơn so với các quận khác, trong khi đó số hộ ở nhà của bố mẹ và tự mua lại thấp nhất.. So với các quận khác thì số gia đình có đủ giấy tờ hợp pháp về nhà đất lại cho nhất (69,2% so với 62,6%).

Về diện tích ở (kể cả khu phụ và đất): nơi ở của các gia đình quận Hoàn Kiếm và chật chội nhất, trung bình mỗi hộ chỉ có 14,5 m² (chỉ số chung là 17,9m²). Đa số các hộ gia đình ở chỉ trong một căn phòng (87,9% so với chung 81,5%), và ở trong một gian ngăn ra từ một phòng lớn (33% so với 13%). Số nhà có coi nói thêm cũng nhiều hơn cả: 5,5% so với 2,7%.

Còn về diện tích nhà ở (không kể khu phụ và đất): quận Hoàn Kiếm là nơi các gia đình có chỗ ở chật nhất. Số hộ có diện tích dưới 10m² chiếm tới 35,2% tổng số mẫu điều tra (so với tỷ lệ chung 26%) và rất ít nhà có diện tích trên 30m².

Diện tích ở bình quân theo đầu người ở đây cũng thấp nhất. Có 27,5 % gia đình có diện tích ở bình quân dưới 2,5m² (tỷ lệ chung 4 quận là 19,9%)

Về khu phụ : diện tích trung bình khu phụ là 1,5m² là thấp nhất (so với 3,2m² chung. Các hộ gia đình nấu ăn trong phòng và nấu ăn chung với hai hộ trở nên có tỷ lệ cao nhất.

Số hộ có bếp riêng rất ít (44,4% so với 56,5%)

Số hộ có nhà vệ sinh riêng càng thấp nhất (chỉ 3,9 % so với 9,9%). Phần đông các hộ nghèo đi vệ sinh chung với khoảng dưới 10 hộ (chiếm 56,9%) những nhà vệ sinh chung đó ở khoảng cách ngắn hơn so với các quận khác (đa số ở dưới 20m) và nhà vệ sinh phần lớn là hố xí tự hoại.

Về điều kiện vệ sinh: ở trung tâm nội thành, nên nước thải của phần lớn các hộ (93,4%) chảy xuống hệ thống cống của thành phố, chỉ một số rất ít (2,7%) có hệ thống nước thải chảy trên bề mặt. Hầu hết các gia đình (92,9%) trả lời có xe thu gom rác đến từng cụm nhà.

Do ở khu vực trung tâm, hệ thống thoát nước cũ và quá tải nên cứ mưa to là phổ biến có tình trạng ngập nước. Việc xây dựng, cải tạo nhà trần lan, vô trật tự góp phần làm cho hiện tượng này thêm nghiêm trọng. Nhiều nhà sau mưa to bị ngập nước đến 30 - 40 cm trong vài giờ đồng hồ.

Cũng như nhiều nơi khác ở nội thành Hà Nội, hiện tượng ô nhiễm môi trường sinh hoạt ở đây là khá phổ biến. Nhà cửa quá chật chội, xuống cấp, người ở quá đông nên không đảm bảo điều kiện vệ sinh tối thiểu. Cộng vào đó, là một số cơ sở sản xuất nhựa, cao su... nằm lẫn trong khu vực dân cư khiến không khí càng bị ô nhiễm nặng.

Ở khu vực chợ Đồng Xuân, cả ngày lẫn đêm, mùi rác, mùi xú uế bốc lên nồng nặc, ở những phố quanh chợ như phố Trần Nhật Duật, người ta phóng uế ới Vệ sinh bừa bãi, vì không có một nhà vệ sinh công cộng nào. Chợ hoá thì ban đêm vứt rác bừa bãi ra đường - mỗi ngày ở khu vực chợ có đến 5 tấn rác thải...

Về đun nấu : ở quận Hoàn Kiếm tỷ lệ các gia đình nấu ăn bằng dầu hỏa và bằng điện là cao nhất, trong khi tỷ lệ các hộ dùng than tổ ong là thấp nhất (48,6% so với chung cả 4 quận là 54,5 %). Vì vậy dân nghèo ở đây cũng phải đóng tiền điện nhiều nhất (trung bình một tháng mỗi hộ trả 24,7 nghìn đồng, so với tỷ lệ chung ở 4 quận là 19,1 nghìn)

Về giá trị nhà: do nằm ở trung tâm thành phố nên giá trị nhà ở các gia đình nghèo quận Hoàn Kiếm không phải là thấp. Song do diện tích nhỏ, nhà cửa xuống cấp nhiều nên cũng không thể có giá trị cao lắm. Tóm lại, so với các quận khác thì giá trị nhà của các hộ ở mức trung bình - số nhà được định giá từ 31 -50 triệu đồng có tỷ lệ lớn nhất so với các quận khác, còn nhà trị giá dưới 10 triệu và trên 50 triệu đồng chiếm tỷ lệ rất thấp.

3. Về đời sống dân cư:

Như phần trên đã đề cập, các hộ nghèo ở hai Phường Hàng Mã và Đồng Xuân thường làm những công việc: bán quà vặt, xích lô, bốc vác, làm dịch vụ... những công việc không đòi hỏi tay nghề cao hoặc vốn lớn.

Do sinh sống ở trung tâm nội thành, giá sinh hoạt đắt đỏ và phải chi trả tiền điện, tiền nhà... khá nhiều, nên số tiền chi tiêu hàng tháng theo hộ gia đình và theo đầu người ở quận Hoàn Kiếm cao hơn các quận khác. Tỷ lệ các hộ chi tiêu một tháng trên 300.000 đồng là cao nhất. Mức chi tiêu bình quân đầu người hàng tháng 120.000 đồng (mức cao nhất) ở quận Hoàn Kiếm cũng có tỷ lệ cao nhất (40,2% so với chung là 13,6%). Khi được hỏi "Nếu có điều kiện khách quan hay chủ quan cải thiện điều kiện ở, gia đình mong muốn gì?" thì tỷ lệ những người muốn cải thiện nâng cấp nhà ở tại chỗ, cũng như chuyển đổi chỗ ở mới, là thấp nhất. Cũng như khi được hỏi việc ưu tiên cho chi tiêu cho tiêu dùng trong ăn uống, nhà cửa, mua sắm đồ đạc, thì quận Hoàn Kiếm có tỷ lệ thấp nhất cho những chi tiêu:

- Sửa chữa nhà cửa (2,7% so với chung là 12,3%)
- Mua sắm đồ dùng 5,5% (so với tỷ lệ chung 4 quận là 13,3%)

Trong khi đó, các hộ gia đình mong muốn tập trung vào những nhu cầu ăn uống, đầu tư cho sản xuất, cho công ăn việc làm ổn định. Điều này chứng tỏ, mặc dầu, điều kiện ở của

dân nghèo quận Hoàn Kiếm là kém, những nơi này là chỗ làm ăn, và sự bế tắc trong việc cải thiện điều kiện ở: diện tích chật chội, chung đụng, các thủ tục cải tạo sửa chữa nhà phiền hà ở khu phố cổ . . .

Một nét đáng lưu ý nữa là: người dân nghèo quận Hoàn Kiếm chú ý đến "trong nhà" nhiều hơn "ngoài phố". Do là khi xét đến nguyện vọng bức thiết của gia đình, tỷ lệ những câu trả lời liên quan đến nhà ở như: chỗ ở ổn định, rộng rãi, kang trang... là cao nhất trong các quận (33% so với tỷ lệ chung 25,9 % trong khi tỷ lệ nguyện vọng liên quan đến cơ sở hạ tầng lại là thấp nhất (1,1% so với chúng là 3,3%). Điều đó cho thấy rõ hoàn cảnh nhà ở của khu vực trung tâm nội thành điều kiện ở chật chội, nhà cửa xuống cấp, các điều kiện vệ sinh, ánh sáng. . . trong nhà không đảm bảo - song về cơ sở hạ tầng (điện, nước sạch, đường sá...) Ở nơi này lại khá hơn nơi khác, chẳng hạn như phường Bưởi (đường đi lại khó khăn, không có nước máy...).

4. Nhận xét kết luận:

Từ những phân tích trên về tình hình nhà ở và môi trường người nghèo đô thị tại quận Hoàn Kiếm, chúng ta có thể rút ra mấy nhận xét sau:

a) Quận Hoàn Kiếm là nơi tập trung đông dân cư, dân gốc gác từ lâu đời. Đây cũng là nơi những gia đình nghèo có hoàn cảnh đặc biệt: đông con, người già cô đơn, bệnh tật... Các cấp chính quyền cơ sở và các tổ chức xã hội cần chú ý đặc biệt đến các đối tượng này. Nên chăng, tổ chức có dịch vụ lao động tại chỗ để thu hút lao động, tạo công ăn việc làm cho người nghèo để vừa cải thiện điều kiện sống, vừa đề phòng các tệ nạn xã hội có thể phát sinh như trộm cắp, nghiện hút, mại dâm...

b) Những khu định cư của người nghèo đô thị nói chung, và người nghèo ở khu phố cổ nói riêng, là một bộ phận hợp thành hữu cơ trong cơ cấu xã hội của thủ đô. Hướng giải quyết trong việc cải thiện nơi ở và môi trường cho người nghèo ở đây chủ yếu là *cải thiện nhà ở tại chỗ*. Có như vậy mới đảm bảo được công ăn việc làm cũng như nếp sống, thói quen của người nghèo ở khu vực này. Một mặt, tạo điều kiện cho người nghèo có khả năng sửa chữa nâng cấp nhà cửa, môi trường sinh sống của họ, giảm bớt các phiền hà trong thủ tục xây dựng cải tạo nhà ở khu phố cổ. mặt khác, nhà nước, các cấp chính quyền cơ sở quan tâm củng cố cơ sở hạ tầng đô thị, hỗ trợ kinh phí sửa chữa nhà, đặc biệt là những ngôi nhà thuộc quyền sở hữu của nhà nước mà dân nghèo đang sử dụng.

VỀ MỘT SỐ NHÂN TỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN KHẢ NĂNG VƯỢT NGHÈO CỦA NGƯỜI NGHÈO HÀ NỘI

ĐẶNG THANH TRÚC

I. Khái niệm sơ bộ về sự nghèo khổ trong mẫu khảo sát

Để tìm hiểu khả năng vượt nghèo của người nghèo Hà Nội trước hết phải xác định được khái niệm về sự nghèo khổ ở Hà Nội, ở đây khái niệm này được xây dựng từ những

cứ liệu của cuộc khảo sát, nhưng chỉ với những nét cơ bản như một định nghĩa sơ bộ làm nền tảng cho sự phân tích về khả năng vượt nghèo.

Nghèo khổ thường được đánh giá thông qua 3 loại chỉ báo: thu nhập, chỉ tiêu điều kiện sinh hoạt, nhà ở. Trong phạm vi của cuộc nghiên cứu đã nói nó biểu hiện chủ yếu qua: mức thu nhập, giá trị đồ dùng sinh hoạt và điều kiện ở

1. Thu nhập: theo số liệu của cuộc khảo sát thì thu nhập bình quân đầu người một tháng của người nghèo là 88740 đồng. Có thể chia các mức nghèo theo thu nhập bình quân như sau:

- Mức 1	> 120.000 đ/tháng	13,9%
- Mức 2	91 - 120.000 đ/tháng	25,25%
- Mức 3	61-90.000 đ/tháng	36,31%
- Mức 4	< 60.000 đ/tháng	24,7 %

Đây là biến then chốt của mức nghèo.

2. Giá trị trung bình ước lượng toàn bộ đồ dùng gia đình

- Toàn mẫu	788.000 đồng
- Mức 1	1.390.000 đồng
Mức 2	1.060.000 đồng
Mức 3	680.000 đồng
Mức 4	369.000 đồng

3. Điều kiện ở biểu hiện qua: - Diện tích bình quân

- Loại nhà
- Khu phụ
- Vệ sinh môi trường

Tuy diện tích bình quân là 5,9 m²/người, nhưng chất lượng loại nhà rất kém, có 20,3% là nhà tạm, làm bằng tranh tre, nứa lá, 18,1% là nhà một gian trong dãy nhà tập thể cấp bốn, 2,7% không có nhà, phải sống ngoài ban công, hành lang, gầm cầu. Điều kiện khu phụ cũng rất tồi tàn, tình trạng chung của nhà vệ sinh là 90,1% , 23,8% không có bếp phải nấu trong nhà. Các hộ nghèo sống trong môi trường ô nhiễm cao là 26,4% và 76,3% dùng nước máy công cộng.

Trên đây là toàn bộ số liệu cơ bản mô tả sơ bộ chân dung của người nghèo trong mẫu. Tuy là còn đang ở mức độ sơ lược, nhưng qua đó có thể hình dung được về sự nghèo khổ để làm cơ sở cho sự phân tích những triển vọng vượt nghèo của người nghèo trong mẫu khảo sát.

II. Đặc biệt chung của mẫu khảo sát

Cuộc điều tra xã hội học tiến hành ở Hà Nội, trên mẫu là 700 hộ gia đình nghèo thuộc trên 5 phường hàng Bột, Thanh Nhân, Bưởi, Đồng Xuân, Hàng Mã) trong phạm vi địa bàn 4 quận nội thành. Nét đặc thù riêng của từng quận đã qui định những đặc trưng nghèo khác nhau trên từng khu vực. Ở đây chúng tôi quan tâm đến một số đặc điểm chung có tác động trực tiếp đến khả năng vượt nghèo của người nghèo.

1. Vị trí địa lý:

Là yếu tố quan trọng tạo điều kiện thuận lợi hay không thuận lợi cho một cơ hội tìm

kiếm việc làm, có thu nhập. Một vị trí ở trung tâm buôn bán sầm uất (chợ Đồng Xuân) sẽ khác hẳn vị trí của một làng (Bưởi) ven nội. Nhà ở mặt đường hay gần mặt đường rõ ràng là có giá trị kinh tế cao hơn một nơi ở ngoắt ngoéo sâu trong ngõ (Thành Nhân, Hàng Bột) .

Hàng Bột, Thanh Nhân và Bưởi là ba phường được phát triển nên từ những làng cổ, trong quá trình đô thị hóa. Hiện nay dấu vết những làng này vẫn còn để lại. Đó là phần lớn lãnh thổ phường nằm sâu trong ngõ nhỏ có những nơi cách xa đường chính gần 1 km. Ở vị trí như vậy nên ba phường này gặp khó khăn trong hoạt động kinh tế hơn các phường khác. Ngược lại phường Đồng Xuân và Hàng Mã lại nằm ở trung tâm buôn bán thành phố. Trên địa bàn hai phường này có chợ Đồng Xuân là chợ lớn nhất miền Bắc. Vì vậy nhưng người nghèo trong phường cũng dễ dàng tìm việc làm hơn ba phường trên, miễn là họ còn khả năng lao động.

2. Về đất ở.

Do cấu tạo từ những làng ven đô trước đây nên phường Bưởi và phường Thanh Nhân có diện tích đất đai rộng lớn hơn các phường ở trong khu trung tâm như Đồng Xuân, Hàng Mã. Quá trình đô thị hóa cùng với chính sách mở cửa đã tác động đáng kể, làm cho giá đất ngày một tăng. Đứng ở mặt trái mà nói thì đây lại là cơ hội thuận lợi cho những người nghèo có đất thoát ra khỏi cảnh nghèo túng.

3. Vài nét đặc biệt:

- Hai phường có đặc trưng xã hội nổi bật là phường Hàng Bột và phường Thanh Nhân. Phường Hàng Bột có tỷ lệ cao và người nghèo tàn tật (8,6%) nguyên nhân là do trên địa bàn phường có một nhà thờ xứ, trước đây để làm phúc, nhà thờ đã lập nên một trại tế bần, cứu mang những người nghèo tàn tật ở khắp nơi. Những người này đã cư trú ở đây lâu năm và trở thành dân Hàng Bột. Phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng với đặc trưng nổi bật là “xóm liều”. Thanh Nhân, một trong khu mới lần đất mới xuất hiện từ năm 1975 trở lại đây.

III. Người nghèo Hà Nội có khả năng vượt nghèo hay không?

Có thể chia ra 2 loại khả năng vượt nghèo:

A. KHẢ NĂNG TỰ VƯỢT NGHÈO

Tính năng động xã hội của người nghèo là yếu tố còn được tính đến trong khả năng vượt nghèo. Đối với người nghèo, sự năng động được biểu hiện trong khả năng tìm kiếm việc làm và thích ứng với công việc đó. Công việc ổn định, có thu nhập là những yếu tố quan trọng nhất giúp họ có thể thoát ra khỏi cảnh nghèo đói. Song khả năng này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố như văn hóa, nghề nghiệp, độ tuổi, loại gia đình, sức khỏe, và có thể có cơ cấu nhân khẩu của gia đình.

1- Văn hóa

Trình độ văn hóa có phải là khả năng tiềm ẩn để vượt ra khỏi ngưỡng nghèo khổ hay không Trong mẫu khảo sát tại Hà Nội cũng cho thấy một tương quan tỷ lệ thuận giữa học vấn và các mức nghèo. Những gia đình trình độ học vấn cấp III và đại học (I trường học) là những gia đình trình độ học vấn cấp III và đại học (I trường học) là những gia đình không thuộc trong diện nghèo nhất (0,00%). Nhóm chiếm tỷ lệ cao trong diện nghèo này là các gia đình mù chữ, sống cô độc (31,4%) và các gia đình trình độ văn hóa cao nhất là cấp I, II (21,4%). Như vậy qua kết quả của cuộc điều tra có nhận định rằng "văn hóa là tác nhân

can thiệp tới tình trạng và mức độ nghèo khổ"⁽¹⁾. Với cái logic “nghèo khổ - thất học - nghèo khổ”⁽²⁾ thì có thể coi văn hóa vừa là nguyên nhân, vừa là khả năng để chiến thắng sự nghèo khổ. Hiện tại trong mẫu khảo sát, có 27% gia đình có học vấn cao nhất là cấp III, 5,1% đại học và 30% gia đình có con đang theo học phổ thông và trung cấp. Có thể hy vọng đây là một "vốn liếng dự trữ", nếu có sự trợ cấp về kinh tế thì rõ ràng có triển vọng.

2. Nghề nghiệp

Người nghèo với trình độ văn hóa thấp, thường làm những nghề đơn giản, không cần các kỹ năng đào tạo, do vậy mà thu nhập không cao. Có thể chia nghề nghiệp của người nghèo theo các nhóm thu nhập sau:

- Gia đình, hoàn toàn không có thu nhập
- Gia đình có việc làm, nhưng không đều, thu nhập không ổn định
- Gia đình có việc làm ổn định, thu nhập ổn định

a. Nhóm gia đình không có thu nhập gồm một bộ phận là gia đình người già tàn tật không có nghề, sống cô đơn, hoàn toàn trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài (người thân, trợ cấp xã hội). Nhóm gia đình này phần lớn thường rơi vào mức sống thấp nhất (60.000 đ/tháng một người) và hầu như không có hy vọng thoát ra khỏi sự nghèo khổ. Bộ phận còn lại có ít nhất 1 người không có thu nhập (28,2%). Trong đó có người có nghề nhưng vẫn không có thu nhập với lý do:

- | | |
|---------------------------|-------|
| - Đau ốm bệnh tật | 29,9% |
| - Đang độ học | 23,5% |
| - Không tìm được việc làm | 23,1% |
| - Xí nghiệp giải thể | 6,1% |
| - Khác | 23,1% |

Những gia đình này có thể sẽ được thay đổi đôi chút, khi tình trạng của những người không có việc làm được cải thiện.

b. Nhóm gia đình có việc làm không đều, thu nhập không ổn định, chỉ nuôi sống được chính bản thân một cách chật vật, đặc biệt theo số liệu khảo sát có tới 68,2% hộ gia đình nghèo có ít nhất 1 người thu nhập không ổn định. Như vậy những thành viên này trong những lúc không có việc làm vẫn phải ăn bám vào gia đình. Khó có thể hình dung ra tình trạng kinh tế gia đình sẽ như thế nào nếu như chính những thành viên này lơ là trụ cột kinh tế của cả gia đình.

c. Nhóm gia đình có ít nhất 1 người có thu nhập ổn định là 66,2%, trong đã có 40% có 1 người thu nhập ổn định còn lại 24,2% là 2 người. Đây chính là nguồn cứu nguy cho tình trạng các gia đình nghèo. Song thực sự nó vẫn không thể làm giảm bớt sự nghèo khổ của gia đình vì vậy thu nhập ít ỏi, lẽ ra chia tạm đủ cho bản thân thì lại phải gánh thêm những thành viên khác trong gia đình. Theo số liệu khảo sát:

- | | |
|--------------------------------|-------|
| - 1 người nuôi 3 người trở lên | 13,9% |
| - 1 người nuôi 2 đến 3 người | 38,9% |
| - 1 người nuôi 1,5 người | 22,1% |
| - Chỉ nuôi bản thân | 24,7% |

(chủ yếu là các gia đình độc thân)

⁽¹⁾, ⁽²⁾Trích báo cáo tổng kết của cuộc khảo sát “Đặc điểm kinh tế, xã hội và nơi ở của người nghèo đô thị” tại Hà Nội (2/1994) trang 12

Một khi nghề nghiệp của người nghèo gắn liền với văn hoá thấp, thu nhập thấp và không ổn định, khó có thể tìm được cơ hội, khả năng đẩy lùi sự nghèo khổ.

3. Độ tuổi

Khả năng lao động của con người nói chung phụ thuộc vào độ tuổi. Vì vậy mà cơ hội tìm việc làm của người lớn tuổi bao giờ cũng sẽ hạn chế hơn so với người ít tuổi. Theo kết quả điều tra có 44,4% người nghèo (chủ hộ) ở độ tuổi trên 60. Trong mẫu có 23,9% gia đình có ít nhất một người về hưu. Dù sao thì đồng lương hưu nhỏ bé này cũng vẫn là một khoản thu nhập ổn định? giúp cho gia đình hộ không rơi vào những nhóm nghèo nhất. Tuy nhiên chỉ trông chờ vào những đồng lương hưu thì không có mấy triển vọng ra khỏi sự nghèo khổ.

Các hộ nghèo nhất thường tập trung vào những hộ người già, góa bụa, và không có con cái sống cô độc một mình. Với những hộ loại này hầu như không khả năng thoát ra khỏi ngưỡng nghèo được mà hoàn toàn phải trông chờ vào sự trợ giúp từ bên ngoài.

4. Sức khỏe

Sức khỏe là yếu tố rất quan trọng để có được một việc làm và thích ứng với công việc đó đồng thời nghèo khổ là nguyên nhân làm cho sức khỏe giảm sút. 46,7% người nghèo trong mẫu tự đánh giá sức khỏe mình thuộc loại kém, 41,8% cho là bình thường, chỉ có 11,5% nghĩ là mình khỏe (có lẽ đây rơi vào những người còn ít tuổi). Thực ra không có gì đáng ngạc nhiên về tình trạng sức khỏe của người nghèo vì một phần họ vốn mang những đặc điểm xã hội không bình thường: già cả (45,7%), góa (30,9%), cô độc (11,2%), tàn tật, bệnh tật (45,7%). Mặt khác người nghèo không mấy khi được đảm bảo những nhu cầu tối thiểu về ăn, mặc, ở. Điều này cũng thể hiện qua những ưu tiên chi tiêu của họ: ưu tiên đầu tiên là cải thiện bữa ăn, nâng cao sức khỏe (90,7%). Rõ ràng là khi còn chưa đủ tiền để nâng cao chất lượng bữa ăn thì làm sao có thể nghĩ đến việc mua sắm đồ dùng sinh hoạt, hay sửa chữa, cải tạo nhà cửa là một khoản cần đến rất nhiều tiền. Điều kiện môi trường sống thiếu thốn, mất vệ sinh - chính là một nguyên nhân gây ra bệnh tật. Đánh giá về những chi phí cho việc khám chữa bệnh từ dịch vụ y tế người nghèo là:

- Rất đắt	33,3%
- Đắt	36,7%
- Bình thường	16,3%
- Khó trả lời	13,4%

Chính sách mới, xóa bỏ bao cấp trong dịch vụ y tế như vậy đã gây ra không ít khó khăn trong việc chăm sóc sức khỏe người nghèo. Về vấn đề này đang là một chủ đề quan tâm của chính sách xã hội.

Sức khỏe là yếu tố thể hiện tương quan mạnh với sự nghèo khổ. Vì vậy người nghèo không thể trông chờ vào sự ra khỏi nghèo khổ bằng khả năng này.

5. Cơ cấu nhân khẩu gia đình

Cũng như tình trạng ở nông thôn yếu tố "đông con" cũng được đưa ra xem xét, được giá định như một khả năng vượt nghèo ở thành phố. Một số liệu nữa cũng có thể làm cơ sở cho giả thuyết này là 4,6% ý kiến của những người nghèo trong mẫu khảo sát cho là con cái trưởng thành, có công việc làm là một trong những nguyên nhân làm thay đổi mức sống của họ theo hướng tốt lên.

Tóm lại, khả năng tự vượt nghèo hay cụ thể hơn là khả năng tự tìm việc làm và thích nghi được với công việc của người nghèo trong mẫu khảo sát trên thực tế không chịu

sự tác động của các yếu tố riêng lẻ, mà nó bị ảnh hưởng của nhân mối quan hệ giữa các nhân tố ấy. Ngoài ra cũng còn phải tính đến những hệ số may mắn của mỗi gia đình nghèo, cũng như hạn chế từ những đặc trưng xã hội của họ.

B. KHẢ NĂNG VƯỢT NGHÈO TỰ SỰ TRỢ GIÚP BÊN NGOÀI

1. Các chính sách xã hội

Số liệu của cuộc nghiên cứu về sự phân tầng xã hội tại Hà Nội năm 1992 cho biết người nghèo chiếm tỉ lệ gần 4% dân số thành phố. Trong 700 hộ gia đình nghèo được khảo sát thì có 1/5 số hộ là đối tượng của các chính sách xã hội. Đối tượng này trước tiên là các gia đình liệt sỹ, thương binh chiếm 9,8% mẫu, là nhóm gia đình đã có công hiến trong cuộc kháng chiến bảo vệ đất nước, họ xứng đáng được nhận sự giúp đỡ của xã hội. Có hai loại trợ cấp thường xuyên (khoảng từ 20-30.000 đồng) và đột xuất (có thể là một số tiết kiệm từ 300 - 500.000 đồng). Tất nhiên trong điều kiện đất nước hiện nay thì sự trợ giúp của các chính sách xã hội vẫn chỉ là nguồn giúp thêm, chứ chưa phải là nguồn thu nhập chính, nhưng thực sự đã mang lại hiệu quả trong mẫu các hộ gia đình loại này, tuy nghèo nhưng là nằm trên ranh giới giữa người nghèo và không nghèo, không thuộc vào những nhóm nghèo nhất.

Các gia đình tàn tật, gia cả, cô đơn, mồ côi cũng là đối tượng của các loại trợ cấp xã hội. Có 10,7% gia đình trong mẫu thuộc loại này. Phần đông nhóm gia đình này không còn khả năng lao động, vì vậy tiền trợ cấp hàng tháng của phường là nguồn thu nhập chính.

Không thể phủ nhận dưới hoạt động của các chính sách xã hội trong nhóm người nghèo, chẳng hạn như "nhà tình nghĩa", "lớp học tình thương", các khoản trợ cấp đột xuất và thường xuyên..., nhưng cũng không thể coi đây là giải pháp để người nghèo thoát ra khỏi cảnh nghèo khổ của mình, vì trên thực tế chỉ có 1/5 người nghèo thuộc vào diện đối tượng chính sách. Ở đây có lẽ phải đặt vấn đề về những khả năng này từ sự giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng với sự hỗ trợ thêm của nhà nước.

2. Trợ giúp của người thân

Trong mẫu khảo sát có 16,6% gia đình thuộc vào nhóm xã hội không nghề nghiệp, già, neo đơn, tàn tật, thuộc nhóm xí hội không nghề nghiệp, sống trông chờ chủ yếu vào sự trợ giúp của người thân. So với trợ cấp của các chính sách xã hội thì sự giúp đỡ của người thân còn ở mức độ thấp hơn rất nhiều. Do đó có thể thấy vì sao các gia đình này thường rơi vào nhóm nghèo nhất. Qua số liệu khảo sát bao giờ họ cũng thuộc vào mức cuối cùng trong các thang đó

3. Khả năng đất đai nhà cửa

Giá đất và nhà cửa Hà Nội hiện nay đang tăng vùn vụt. Nếu như việc lấn chiếm đất, nhà ở không có quyền sở hữu xảy ra thường xuyên ở các nhóm khác thì ở nhóm người nghèo điều này dường như hiếm xảy ra (0,9%). 62,6% gia đình nghèo có đầy đủ giấy tờ hợp pháp về đất và nhà, 14,7% có giấy tờ nửa hợp pháp (dạng những nhà hỏa hồng). Đặc biệt. Ở phường Bưởi tỷ lệ dân nghèo sống trên mảnh đất cha ông để lại rất cao. Điều này xác nhận quyền sở hữu của họ, nó sẽ là điều kiện thuận lợi khi thị trường về đất được mở ra.

Đất đai là tiềm năng to lớn, không thể xếp đất đai và khả năng tự vượt nghèo, cũng không thể xếp nó vào sự trợ giúp từ bên ngoài. Có thể nói trước kia trong thời đóng cửa, đất đai, bất động sản chưa có chỗ trong thị trường mua bán, do đó nó chỉ mang ý nghĩa sử dụng mà chưa có ý nghĩa là hàng hóa. Quá trình đô thị hóa mở rộng, với đặc trưng là tăng dân số không ngừng, do sức hút nhân công từ nông thôn ra thành phố, với sự biến đổi dần những khu trung tâm thành khu hành chính và buôn bán thương mại. Khu ở chuyển dần

ra vùng ven ô. Những biến đổi xã hội to lớn như vậy đã làm cho giá cả đất đai, nhà cửa Hà Nội tăng đến mức chóng mặt. Phải nói rằng đây là cơ may thời vận cho những người nghèo có đất. Những phường ven nội với lịch sử là những làng quê, đồng ruộng, trước kia đất rộng, người thưa, nay cũng nhân cơ hội này để xây nhà. Có hai xu hướng: những người có ít đất bán đi, di chuyển về những vùng xa hơn, những người có đất rộng thu hẹp lại, bán đi một phần để xây nhà và làm vốn. Có thể dễ dàng nhận thấy ở phường Bưởi, bên cạnh những mái nhà cũ kỹ, thỉnh thoảng lại xuất hiện từng cặp nhà cao tầng mới xây. Không biết đã có bao nhiêu trường hợp những gia đình nghèo chấm dứt sự nghèo khổ của mình bằng những ngôi nhà như vậy. Có lẽ đây cũng là một điểm khác biệt trong vị thế và tiềm năng của người nghèo đô thị Hà Nội so với các nơi khác (chàng hạn thành phố Hồ Chí Minh).

VỀ KHẢ NĂNG CHUYỂN ĐỔI - NGHỀ NGHIỆP XÃ HỘI CỦA NGƯỜI NGHÈO HÀ NỘI

PHẠM QUỲNH HƯƠNG

Về thu nhập và việc làm: trong toàn cuộc điều tra 669 gia đình thì 264 gia đình (39,5%) có ít nhất 1 người không có thu nhập, đây là một tỷ lệ cao và rất đáng để ý. Như vậy có gần 1/2 số gia đình nghèo phải gánh thêm những người không có thu nhập.

Trong nhóm người không có thu nhập thì đại đa số những người này thuộc vào những gia đình lao động ngoài quốc doanh (36,4%) và gia đình hỗn hợp (42,2%). Số người thuộc những gia đình không có nghề thì không đáng kể (3,4%). Số không có nghề này chủ yếu là những người già, cô đơn? tàn tật.

Xét trong toàn bộ cuộc điều tra 669 gia đình cũng cho thấy tỷ lệ tương tự, đại đa số là các gia đình làm trong khu vực phi quốc doanh (39,8%) và hỗn hợp (36,3%) nếu kể cả 5,8% gia đình không có nghề thì trên 80% số hộ có đời sống bấp bênh, không ổn định và do đó cũng có ít khả năng để tự thay đổi hoàn cảnh của mình.

Một nửa số gia đình nghèo là thuộc vào các nhóm xã hội đặc biệt (49%). Trong đó các gia đình hưu trí chiếm 32,9%, các gia đình có người về hưu mất sức chiếm 16,3% và các gia đình có người tàn tật bệnh nặng chiếm 8,8%. Những gia đình thuộc diện này có rất ít khả năng chuyển đổi, nếu không nói là hầu như không có khả năng chuyển đổi.

Trong số những gia đình nghèo được điều tra thì có 20% gia đình thuộc dân chính sách xã hội

Loại gia đình	Số gia đình	% trên toàn mẫu
Gia đình liệt sĩ	40	6,0
Gia đình thương binh	22	3,3
Có người tàn tật, neo đơn	35	5,5
Người già yếu, mồ Côi	37	5,5
Tổng	134	20,0

Nhóm xã hội này hầu như không có khả năng chuyển đổi công việc.

Về quy mô gia đình, có tỷ lệ rất cao những gia đình có 1 người tức là những hộ độc thân (11,2%). Chính vì tỷ lệ những hộ độc thân cao khiến cho qui mô gia đình trung bình của mẫu (3,74%) bị giảm thấp hơn so với toàn thành phố (3,9%). Điều này có nghĩa là những hộ độc thân thường là những người già, yếu sức khỏe, không có khả năng lao động hoặc nếu có thì cũng không có khả năng chuyển đổi.

Về kiểu loại gia đình của nhóm người nghèo thì chỉ có 57,3 % gia đình đầy đủ còn lại là những gia đình khuyết (khuyết vợ hoặc chồng) hoặc loại khác (anh em, bà cháu ở với nhau). Tỷ lệ cao nhưng gia đình khuyết khiến những gia đình này sẽ gặp nhiều khó khăn về công ăn việc làm cũng như chuyển đổi công việc.

Về giới tính của người nghèo thì nữ giới chiếm đa số (54,9%). Chúng ta đã biết rằng phụ nữ và nhất là phụ nữ nghèo chịu thiệt thòi hơn và kém năng động hơn. Do đó nhóm nghèo, đa số là phụ nữ - những người có ít cơ hội chuyển đổi hơn đàn ông, sẽ gặp khó khăn nhiều trong việc chuyển đổi nghề nghiệp của họ.

Xét về độ tuổi thì khả năng chuyển đổi lại càng ít hơn. Trong toàn bộ mẫu điều tra người nghèo, những người trẻ hơn (dưới 30 tuổi) chiếm tỷ lệ ít (4,3%) còn đại đa số là những người cao tuổi. 62,5% là những người trên 50 tuổi. Một điều đặc biệt là độ tuổi càng tăng thì tỷ lệ người nghèo càng tăng, từ 14,8% ở độ tuổi (31 - 40) đến 23,6% ở độ tuổi trên 70. Nếu đem so sánh với độ tuổi lao động thì ta sẽ thấy một nghịch lý. Với những người trong độ tuổi lao động, độ tuổi tăng thì số người giảm. Như vậy nếu tính theo độ tuổi thì người nghèo với thành phần chủ yếu là những người cao tuổi cũng ít có khả năng cơ động.

Xét về học vấn, người nghèo lại có văn hóa thấp. Nếu xem xét chỉ bảo *người có văn hóa cao nhất trong gia đình* thì chỉ có 1/3 số gia đình có người học đến cấp III (27,0%) và đến độ học (5,1%). Đây là một tỷ lệ thấp. Và trong khi ở các địa phương hầu như đã phổ cập cấp II thì chỉ có 60,4%, các gia đình nghèo có người có học vấn cao nhất đến cấp I hoặc cấp II còn nếu xét theo *người có văn hóa thấp nhất trong gia đình*, có tới 67,5% số gia đình còn có người chỉ học hết cấp I hoặc cấp II và thậm chí còn 27,1% gia đình có người mù chữ. Với trình độ văn hóa như vậy thì người nghèo sẽ gặp khó khăn trong việc thay đổi công việc của họ cũng như để thay đổi mức sống.

Trong 669 người nghèo được điều tra thì 158 người (23,6%) có sự chuyển đổi về việc làm. Hai loại chuyển đổi chiếm tỷ lệ cao nhất lại là những chuyển đổi bị động, thiệt thòi. Đó là nghỉ hưu, nghỉ mất sức (5,4% trên tổng số người được điều tra) và nghỉ làm nghề tự do vì yếu sức khỏe (3,1%). Những loại chuyển đổi tiếp theo chiếm tỷ lệ thấp hơn như:

Loại chuyển đổi	% trên tổng số 669 người
- Chuyển đổi mặt hàng gia công, bb, dv	3,1
- XH, HTX giải thể, về bắt đầu sx, dv, làm thuê	2,7
- Nghỉ hưu, mất sức, về bắt đầu sx, dv, làm thuê	1,8
- Bắt đầu buôn, sx, dv làm thuê	1,5
- Nghỉ 176,217, về bắt đầu sx, dv, làm thuê	1,0
- Thôi việc cơ quan, về bắt đầu sx, dv, làm thuê	0,6
Tổng	10,1

Những loại chuyển đổi này chiếm tỷ lệ ít hơn nhưng nó ít nhiều lại mang tính chủ động, tích cực, cố gắng lao động để vươn lên hơn. Mặc dù công việc của những người này chỉ là buôn bán nhỏ, hoặc đi làm thuê, làm dịch vụ với tiền công rẻ mạt, nhưng dù sao đó cũng thể hiện một sự vận động, một cách xoay xở để hòng mong đỡ được phần nào cảnh nghèo khổ.

Ngoài ra còn một số nhỏ những người nghỉ 176,217 (0,9%) và những người nghỉ do xí nghiệp, hợp tác xã giải thể (1,8%) về nhà không làm gì. Đây là những người gặp khó khăn nhất. Họ gặp phải một sự thay đổi bất ngờ mà họ chưa có sự chuẩn bị để thích ứng. Họ gặp phải khó khăn vì chưa biết bắt đầu với thời kỳ mới như thế nào. Họ là những người chịu thiệt thòi nhất trong giai đoạn chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường.

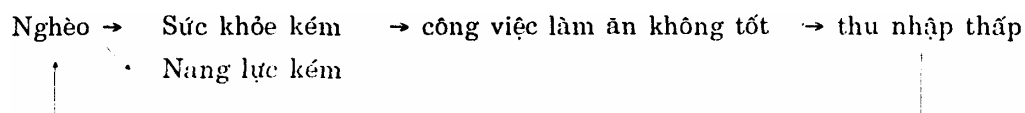
Trong tổng số người được hỏi có thay đổi công việc trong thời kỳ ĐỔI MỚI thì 85 người là nữ và 73 người là nam. Khi xem xét cụ thể hơn thì có thể thấy sự khác nhau về giới tính trong sự chuyển đổi. Có 3 loại chuyển đổi mà trong đó sự chuyển đổi của phụ nữ chiếm tỷ lệ cao hơn hẳn so với đàn ông, đó là nghỉ hưu, nghỉ mất sức, nghỉ 176,217 và nghỉ làm việc tự do vì yếu sức khỏe. Những chuyển đổi này thể hiện tính thụ động, thua thiệt của phụ nữ. Ngược lại 2 loại chuyển đổi thể hiện tính năng động và ưu thế hơn hẳn của đàn ông đó là chuyển đổi dạng hoạt động và bắt đầu hoạt động kinh doanh, buôn bán, làm thuê.

Có 2 loại chuyển đổi chiếm tỷ lệ cao đó là nghỉ hưu, nghỉ mất sức và bắt đầu kinh doanh, dịch vụ, làm thuê. Trong khi đối với nam giới bắt đầu kinh doanh, dịch vụ, làm thuê chiếm tỷ lệ cao nhất, đối với phụ nữ thì ngược lại, nghỉ hưu, nghỉ mất sức chiếm tỷ lệ cao nhất.

Xét theo độ tuổi của những người có chuyển đổi thì độ tuổi càng thấp thì tỷ lệ chuyển đổi càng cao. Chúng ta nhớ rằng trong nhóm nghèo thì những người trẻ tuổi chiếm tỷ lệ thấp mà ở đây họ lại chiếm tỷ lệ cao về chuyển đổi. Xem xét kỹ hơn về những chuyển đổi ở các độ tuổi chúng ta sẽ thấy rõ hơn. Ở loại nghỉ hưu, nghỉ mất sức, độ tuổi (41 - 50) chiếm tỷ lệ cao nhất. Tức là số người nghỉ hưu sớm nhiều hơn những người nghỉ hưu đúng tuổi. Đây là sự thiệt thòi và cũng là khó khăn của họ đồng thời cũng là nguyên nhân gây ra sự nghèo khổ. Có một xu hướng chung là tuổi càng trẻ thì chuyển đổi càng nhiều hơn, cả ở loại nghỉ 176,217, cả ở loại chuyển đổi dạng hoạt động và bắt đầu công việc kinh doanh, dịch vụ làm thuê. Những người trẻ tuổi chịu tác động nhiều hơn của quyết định 176,217 và do đó họ phải bắt đầu một công việc làm ăn mới, hoặc trong quá trình mò mẫm làm ăn họ phải chuyển đổi các dạng hoạt động của mình. Những sự chuyển đổi như vậy phần nào phản ánh tính năng động, đồng thời một phần nữa, mà có lẽ là phần chính, thể hiện tính không ổn định, không chắc chắn về những khó khăn trong công việc làm ăn của họ. Những chuyển đổi công việc của họ chủ yếu vẫn là chạy quanh, chạy quẩn. Vì vậy những chính sách giúp đỡ người nghèo về thực chất phải nhằm nâng cao năng lực, trình độ cho người lao động, đặc biệt là những người trẻ tuổi. Lúc đó những chuyển đổi hoạt động của họ mới có cơ sở để nâng cao đời sống.

Sự chuyển đổi mang tính không ổn định của người nghèo: Nếu xếp theo tỷ lệ tăng dần của các dạng chuyển đổi thì những người nghèo ở mức TRUNG BÌNH và TRUNG BÌNH KÉM có sự giống nhau. Đó là nghỉ hưu, nghỉ mất sức chiếm tỷ lệ cao nhất, rồi đến bắt đầu kinh doanh, dịch vụ, làm thuê; đứng thứ 3 là loại xí nghiệp, hợp tác xã giải thể. Còn

với những gia đình ở mức sống KÉM và RẤT NGHÈO thì tỷ lệ cao nhất đã nhường chỗ cho loại bắt đầu kinh doanh, dịch vụ, làm thuê, còn lại nghỉ hưu, nghỉ mất sức xếp xuống thứ 3. Nhóm gia đình rất NGHÈO có tỷ lệ cao những người nghỉ vì già yếu và tất cả tạo thành một vòng tròn luẩn quẩn.



Xét về nghề nghiệp của những người có chuyên đổi thì thấy những người làm việc trong khu vực kinh tế quốc doanh có rất ít chuyên đổi và cũng chỉ tập trung vào nghỉ hưu, nghỉ 176. Những người làm trong khu vực phi quốc doanh có chuyên đổi nhiều nhất và sau đó là những người trong gia đình hỗn hợp. Loại trên thì chủ yếu là bắt đầu kinh doanh, dịch vụ làm thuê và xí nghiệp, hợp tác xã giải thể, còn loại dưới chuyên đổi nhiều nhất là nghỉ hưu, mất sức (40,3%) và bắt đầu kinh doanh, dịch vụ đứng hàng thứ 2. Còn những loại chuyên đổi khác thì ít hơn nhiều so với những gia đình làm ở khu vực phi quốc doanh. Như vậy những gia đình nào gắn với khu vực kinh tế quốc doanh hoặc phần nào còn gắn với kinh tế quốc doanh thì tính ổn định hơn. Còn những gia đình hoàn toàn làm trong khu vực kinh tế phi quốc doanh thì hết sức không ổn định.

Hiện trạng và mong muốn của người nghèo đô thị

PHÙNG THỊ TỐ HẠNH

I. VIỆC TÌM HIỂU HIỆN TRẠNG NGƯỜI NGHÈO ĐÔ THỊ CÓ THỂ ĐƯỢC XEM XÉT THÔNG CUA CÁC CHỈ BÁO SAU:

1. Các chỉ báo về thu nhập:

Số thu nhập trung bình đầu người của 699 hộ được hỏi là 88.740 đồng/tháng. 25% hộ gia đình ở vào mức qua nghèo, gần 36% ở vào mức nghèo; số còn lại 39% nằm ở mức giáp ranh với vạch nghèo.

Nhưng người nghèo này vừa là những người làm trong khu vực nhà nước, và cũng vừa làm trong khu vực không chính quy. Những người làm trong khu vực nhà nước có 12,7% số hộ được hỏi có ít nhất một người cũng làm trong khu vực này, trong đó hơn một nửa có thu nhập tương đối ổn định, số còn lại có thu nhập không ổn định. 73,65% số hộ có ít nhất một người làm ở khu vực ngoài quốc doanh, với cả hai loại lao động chính vừa bằng cách tự tổ chức và cũng có cả đi làm thuê.

Tỉ lệ hộ có ít nhất một người có thu nhập không ổn định là 68,2% trong đó 36% số hộ có một người và 21% số hộ có 2 người. Tỉ lệ hộ có ít nhất 1 người không có thu nhập là

Việc xác định mức sống này dựa vào đánh giá của điều tra viên

28,2%, trong đó 25% có một người, 3,2% có 2 người trở lên. Điều này cho thấy mức thu nhập không ổn định trong các gia đình nghèo là khá cao. Có nhiều lý do dẫn đến tình trạng trên, đau ốm và bệnh tật vẫn là những lý do chiếm tỉ lệ phần trăm cao nhất (29,9%). Ngoài ra lý do không tìm được việc làm cũng chiếm một tỉ lệ không nhỏ (23,1%)

Việc chi tiêu trong gia đình:

Tiền chợ thì cho một người/tháng tương quan với nghề nghiệp gia đình

1. Thuần công nhân viên chức	68,42 (ngàn đồng)
2. Ngoài nhà nước	56,93
3. Hỗn hợp	56,41
4. Không nghề	58,60

So sánh với thu nhập có thể thấy riêng tiền chi cho việc ăn uống đã chiếm hầu như toàn bộ tiền thu nhập trung bình trong một tháng của người nghèo như đã nói trên. Rõ ràng việc thỏa mãn các nhu cầu tối thiểu khác như mặc, cải tạo điều kiện ở... là vô cùng khó khăn. Có 39,1% số hộ gia đình phải chi cho con cái tiền học hành hàng tháng.

2. Chỉ báo về ở:

Về tình trạng nhà ở, chúng ta có thể hình dung bức tranh về nhà ở của người nghèo đô thị qua các con số sau đây:

Căn hộ cao tầng	4,9%
Căn hộ thấp tầng	1,3%
Một gian	18,1%
Một phần căn phòng	13,0%
Cơi nơi	2,7%
Nhà tạm	20,3%
Khác (gồm cầu thang, hành lang,...)	39,6%

Số hộ gia đình ở chỉ trong một căn phòng chiếm 18% trong khi những gia đình ở trong các căn nhà tạm - được hiểu là những gian nhà được xây dựng đơn giản bằng tranh tre, mái ngói hay mái lá, không trần, nền nhà ẩn thấp, cũ kỹ,... nhà trong tình trạng phải phá bỏ trong quy hoạch của nhà nước - chiếm tới 2%. Mặt khác, một con số đáng lưu ý về tình trạng ở là gần 4% số hộ gia đình được hỏi phải lấy hành lang, hay gầm cầu thang, thậm chí là chung đụng với xưởng sản xuất làm nơi ở.

Về khu phụ: chỉ có 56,5% hộ gia đình có bếp riêng, gần 24% phải nấu ở trong phòng và gần 13% nấu chung với các gia đình khác trong bếp tập thể.

Nhà vệ sinh: Có tới 90% số hộ gia đình dùng chung nhà vệ sinh, trong đó dùng chung dưới mười hộ là 21,8%, 68% còn lại là có trên mười hộ dùng chung. Cũng cần thấy loại nhà vệ sinh của người nghèo: 20,1% là xí thùng, 37% là xí hai ngăn, chỉ có 31% là xí tự hoạt 11,6% số nhà vệ sinh còn lại là kiểu nhà xí tự tạo gọi là để có nơi.

Nhà tắm tự tạo che bằng chiếu ở ngoài sân, đầu hồi, một chỗ quây kín,... chiếm một tỉ lệ 44,3% ; khoảng 10% số hộ gia đình phải tắm chung với nhiều người khác; chỉ có gần 46% có nơi tắm riêng biệt. Trong thực tế những nơi tắm này cũng không được hiểu như là những nhà tắm của những người có thu nhập cao.

Về môi trường: 34,4% số hộ gia đình được hỏi đánh giá hệ thống nước thì là kém; 38,3% đánh giá là trung bình, và chỉ có 27,4% nói rằng việc thải nước ở khu nhà mình là

tốt Tất nhiên trong tình trạng chung của thành phố: hệ thống thoát nước còn kém thì trung bình hay tốt ở đây cũng chỉ là mang tính ước lệ mà thôi. Dịch vụ thu gom rác tại nhà: 34,8% nhà có người tới thu gom rác tại nhà.

Về ánh sáng và độ ẩm, phải nói rằng phần lớn nhà của người nghèo ở trong ngõ sâu, đường vào hẹp, thiếu ánh sáng. Một số gia đình được phông vẫn không dùng điện hoặc rất hạn chế để tiết kiệm tiền cho chi phí khác nên điều kiện ở càng tồi tệ hơn.

II. MONG MUỐN CỦA NGƯỜI NGHÈO ĐÔ THỊ

Mong muốn ở đây sẽ chỉ được xét tới thông qua hai chỉ báo. Thứ nhất, đó là việc chi tiêu cho các nhu cầu tối cần thiết để tồn tại, và thứ hai những nguyện vọng bức thiết của gia đình do chính các hộ gia đình đề xuất. Cái thứ nhất là hiện thực bắt buộc phải làm, trong khi các thứ hai là những, mong muốn bức xúc muốn được thực hiện với hy vọng sẽ cải thiện được cuộc sống.

1. Về các ưu tiên trong chi tiêu

Để trả lời câu hỏi: Trong điều kiện của gia đình ta hiện nay ông/bà thường phải ưu tiên cho các khoản chi nào dưới đây (chọn đến ba khoản). Thứ tự ưu tiên các khoản được các gia đình lựa chọn được sắp xếp như sau:

1. Cải thiện bữa ăn, nâng cao sức khỏe	90,7%
2. Lo cho con học	25,9%
3. Mua sắm đồ dùng sinh hoạt cần thiết	13,4%
4. Cải thiện, sửa chữa nhà cửa	12,3%
5. Đầu tư cho công ăn việc làm ổn định	11,7%
6. Khác	9,4%

Ưu tiên cho ăn là ưu tiên số một chiếm tỉ lệ xấp xỉ 91%. Có thể xem xét ưu tiên này theo tương quan với mức sống theo thứ tự từ nhóm rất nghèo, tới nhóm trung bình, hay theo thu nhập đầu người từ nhóm dưới 60.000 đồng tới nhóm trên 120 000 đồng, hầu như không có sự khác biệt trong là 89,7%; 89,5%; 92,1%; 92% và 91,4% 87,1%; 94% và 92,4%

b) Ưu tiên cho việc học hành của con cái:

Tỉ lệ hộ gia đình giành ưu tiên cho việc học hành của con không có sự khác biệt đáng kể nếu tính trong tương quan với mức sống, với nghề nghiệp của gia đình hay trong tương quan với thu nhập theo đầu người/tháng (26%; 25,9%; 26,1%), và chiếm khoảng 66% trong tổng số hộ gia đình được hỏi có con đang đi học. Đây là một con số khá cao giành cho ưu tiên này. Ở đây có thể hiểu là nhận thức về giáo dục cho trẻ em được nhìn nhận một cách nghiêm chỉnh. Trong số các hộ gia đình được hỏi, số người có học vấn cấp III và đại học giành ưu tiên cho việc học tập của con cái nhiều hơn hẳn so với những người có học vấn thấp hơn (cấp I và cấp II), 40,5% và 33,3% so với 17,5% cũng có thể được coi là một khẳng định về điều này.

c) Cũng giống như những người bình thường, với người nghèo đô thị sau ăn, học thì ưu tiên khác là việc mua sắm các đồ dùng sinh hoạt thiết yếu (13,3%) cho gia đình. Đặc biệt lưu ý là ưu tiên cho cải thiện điều kiện ở. Không có sự khác biệt lớn giữa việc ưu tiên sửa chữa nhà cửa theo tương quan với mức sống (Từ rất nghèo, đến trung bình) cũng như theo tương quan với thu nhập đầu người trên tháng (từ dưới mức 60 000 đồng đến trên 120000

đồng là 12,3%, và 13,4%. Tuy nhiên có khác biệt đáng kể nếu so sánh theo khu vực: ưu tiên này trong quận Hoàn Kiếm là quá nhỏ nếu so với những quận khác. Nó chỉ ở mức 2,7% nếu so với quận Ba Đình 24,3% Hai Bà Trưng là 14,2% và Đống Đa: 8,0% cũng là điều cần lưu ý.

Cũng có thể thấy số hộ ưu tiên cho việc *cải tạo nơi ở* tăng dần theo quy mô gia đình. Nếu trong các gia đình 1 người chỉ có 1,4% số hộ muốn sửa chữa, từ 2 - 3 người là 9,5% từ 4-5 người là 16,4% và trên 5 người là 16,7%. Rõ ràng số người trong gia đình càng nhiều thì mong muốn sửa chữa nhà càng lớn. Sự khác biệt về lứa tuổi dẫn tới sự khác biệt về các hoạt động trong một nơi ở hẹp sẽ gây ra những sức ép về mặt tâm lý cho các thành viên của gia đình.

Việc đầu tư cho công việc chiếm một tỉ lệ không cao 11,7% cho thấy một mặt của vấn đề là dù công việc rất cần thiết song các gia đình nghèo khó có khả năng đầu tư cho công việc một việc không thể biết trước là có làm tăng thu nhập hay không. Vì nghèo nên họ cần phải sử dụng vào việc chi tiêu cho những vấn đề tối cần thiết và có hiệu quả chắc chắn hơn.

2) Những nguyện vọng bức thiết của gia đình

Đầu tiên phải kể đến những nguyện vọng có liên quan đến nhà ở. Gần 26% số hộ gia đình được hỏi có mong muốn về sửa chữa nhà, xin được phân nhà mới vay vốn sửa nhà, hợp pháp hóa giấy tờ, đền bù khi di chuyển. Không có sự khác biệt nhiều giữa các nhóm mức sống, từ kém, trung bình kém đến trung bình: 28,8%; 27,2%; 29,7%. Nhưng có sự khác biệt lớn giữa các nhóm này và nhóm rất nghèo: chỉ có 19,5%. Cũng có khác biệt lớn giữa các nhóm có nghề nghiệp (thuần công nhân viên chức và hỗn hợp - tức là có những người vừa làm nhà nước vừa làm ngoài): 28,1%; 29,2% với nhóm không nghề hoặc nhóm tất cả các thành viên đều làm ngoài: 17,9% và 22,9%. Những con số này có thể cho thấy nguyện vọng nhà ở của những cán bộ CNVC hay những hộ hỗn hợp là cao hơn.

Con số mong muốn cao nhất trong các hộ được hỏi có liên quan tới vấn đề chính sách xã hội (56,5%). Đây là vấn đề rộng (về phạm vi) và phức tạp, nhất là trong thời kỳ quá độ này. Ở đây chúng tôi tạm thời khu trú vào một số vấn đề như tin học, trợ cấp hưu, khám chữa bệnh và việc làm cho con cái.

Những con số trên cho thấy trong những những nhóm càng có mức sống thấp thì mong muốn liên quan đến chính sách xã hội càng tăng.

Tỷ lệ người không hài lòng về việc khám chữa bệnh (45,3% trong tổng số 234 người có khám chữa bệnh là khá cao. Nghèo và bệnh là bạn đường của nhau. Con số người được hỏi nói rằng sức khỏe của họ là kém chiếm 46,7%. Cũng phải kể đến 45,7%, số hộ được hỏi có người bị ốm đau, bệnh tật. Có thể nói rằng đó cũng là lý do làm họ nghèo. Trong một nước đang phát triển như nước ta việc trợ giúp nhóm nghèo, đặc biệt là nhóm nghèo bị tàn tật là một việc làm cần thiết mang tính nhân đạo.